

L'Été, la saison préférée des écoliers mais aussi le repos mérité pour les professeurs. Et il m'est venu une idée ! Et si on parlait de nos souvenirs d'école ? Me voilà replongé, tout à coup, dans mes souvenirs d'école.

Ces souvenirs ressurgissent de ma mémoire. Autant de moments qui traversent mon esprit régulièrement, plus ou moins furtivement, stimulés par des images, des paysages, des photos, des situations diverses. Certains sont nostalgiques de leur vie d'écolier, d'autres en gardent un mauvais souvenir, souvenir des colles, l'école buissonnière. J'entends le murmure de la nostalgie. Ce sont surtout les odeurs, les bruits, les images furtives qui me reviennent : l'odeur des cahiers de souvenirs de joie et d'émotions, des pages de tendresse et de tristesse... Le bruit du préau sous la pluie, la cour de récréation,

le crissement de la craie sur le tableau noir, mais il y a parmi toutes ces images un souvenir d'enfance quand j'étais au Viêt Nam, un souvenir très précis qui me revient : le temps de la floraison des flamboyants, magnifique arbre coloré qui propulse ses milliers de fleurs rouges au bout de ses branches en parasol ! Il marque aussi la fin d'une année scolaire.

*Malgré le temps qui s'envole,
Il en est pas moins vrai
Que les souvenirs d'école
Ne s'oublent jamais*

Il est bon de rendre hommage ici à toutes ces femmes et tous ces hommes qui se relayèrent pour nous inculquer le savoir pendant de longues années, des années d'échec et de réussite, des années inoubliables. Retournons ensemble sur les bancs d'école à travers les poèmes, redécouvrons la culture vietnamienne sans oublier de fêter Lê Vu Lan ou la Fête du Pardon des Trépassés. ■

SPECIAL ETE 2010

httnmag'

www.httnparis.org



Vive les vacances

Sommaire

DOSSIER : MEMOIRE D'ECOLE > 3/9

- Xôn xao mùa lưu bút ! (p.3)
- Thơ : Tuổi học trò (p.4/5)
- Poésie : Les souvenirs d'école (p.6/7)
- Nos cahiers d'école (p.8/9)
- Ve ve giai điệu mùa hè (p.9)

BLOC-NOTES > 10/17

- Le chapeau conique / Nón lá Việt Nam (p. 10/11)
- Quelques particularités de la culture vietnamienne (p. 12/13)
- La fête Vu-Lan / Mùa Vu lan - báo hiếu (p. 14/15)
- Les livres à découvrir cet été (p.16/17)

NEWS HTTN > 18/24

- Tranche de vie HTTN (p.18)
- Agenda (p.19)
- La ronde des activités (p.19/24)

PAROLE A... > 25/27

- « Đứng Bão Tôi Im ! » de Joyce Anne Nguyen (p.25/27)

httnmag'

est un journal édité par l'Association des Jeunes Vietnamiens de Paris. Pour plus d'infos sur l'association vous pouvez consulter le site www.httnparis.org

Rédacteur en chef : Tran Dung Nghi
(trandn77@gmail.com)

Ont participé à ce numéro : Thanh Hằng, Tú Yên, Thái Anh, KimbL, Gicredo, Lunastrelle, Claudie Becques, Jean-Pierre Georget, SUKI, Qassid, Archives départementales d'Indre et Loire, Chu Mạnh Cường, Duc Quang, Thanh Mai, Thanh Van, Nguyễn Khôi, Thiên Kim, Joyce Anne Nguyễn, Eric (photo page 12).

Création et conception graphique : Biz@

Remerciements à ceux qui ont collaboré à ce numéro.



Editorial
■ HTTN

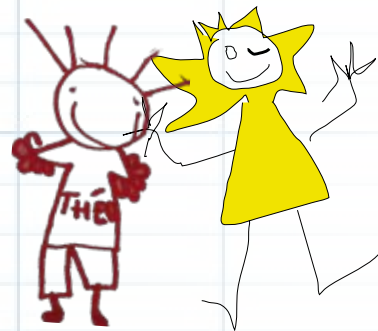
Cánh phượng đầu tiên đã nở hồng
Mùa hè đã đến có buồn không...
Chẳng còn thời gian cho những hờn giận
Phượng rực cháy trên sân trường sắc đỏ
Hạ ùa về và câu thơ bỏ ngõ ...
Mùa thi...

Ve ve ve hè về ! Vui vui vui hè về ! Giai điệu quen thuộc được tấu lên như lời gọi hòa mình vào nhịp sống gấp gáp. Đôi lúc tôi thêm một phút tĩnh lặng để được nhìn, được nghe và dành một chút thanh thản, được lang thang trên con đường quê dịu mát thoảng hương đồng nội và cũng để mơ màng nỗi hoài nhớ về một miền xa xăm...

Với nhiều người, mùa hè đơn giản chỉ là một mùa trong bốn mùa, không hơn ! Hè mang màu vàng của nắng, màu trắng của mưa, màu hồng của sen, đỏ thắm phượng vĩ,...đủ để lại trong tôi ít nhiều rức rở. Chỉ ít nhiều rức rở, chứ không còn là mùa hè rức rở như những ngày xưa, còn bé... Nhưng đối với ai đã trải qua thời áo trắng thì hè về là nỗi niềm, là tâm trạng và trong thẳm sâu của tâm hồn ta còn nỗi háo hức đón hè về. Đón hè về là để được ngắm hoa phượng nở, để được nghe tiếng lòng ve kêu, để thêm một lần yêu thương chờ đợi và cũng để thấy cuộc đời cho ta biết bao ý nghĩa...

Mùa hè trong tôi còn là nỗi nhớ về thầy cô, bạn bè và mái trường cũ rêu phong với hàng phượng già nở hoa rực cả một khoảng trời mơ mộng. Ba mươi mấy năm lưu lạc nơi xứ người, đâu đó cũng thoang thoảng tiếng ve kêu, cũng cái nắng rực nồng nhưng lại thiếu cánh phượng để ép vào trang lưu bút... Một khoảng trống vắng trong lòng mỗi học sinh khi biết yêu màu hoa phượng. Chắc có lẽ nhiều năm sau nữa, khoảng trống ấy cũng khó lấp đầy ! Các bạn hãy cùng với HTTN đi trở về với thời niên thiếu, thuở học trò qua những dòng lưu bút, những bài thơ ca tụng Hè về cũng như chia sẻ những giờ phút chia tay của ngày bãi trường.

Hãy tìm về với nhau qua những bài sưu tầm về chiếc nón lá Việt Nam, tìm hiểu về nền văn hoá của tổ tiên ta và không quên tháng bảy, mùa Vu Lan báo hiếu. ■



Xôn xao mùa lưu bút

■ Thanh Hằng

LƯU BÚT - NƠI LƯU GIỮ NHỮNG KHOẢNH KHẮC...

Chẳng bao lâu nữa các bạn sẽ rời mái trường thân yêu, lưu bút là một thứ không thể thiếu đối với tuổi học trò lúc này. Ngoài việc tổ chức các party liên hoan, chúng ta không thể nào thiếu những dòng lưu bút được. Những bức ảnh, những vần thơ đọng lại trên từng trang lưu bút sẽ mãi là những kỷ niệm đẹp về một thời áo trắng.

Trước mùa thi đây có lẽ là khoảng thời gian thích hợp nhất để các bạn viết lưu bút vì sau đó sẽ không còn thời gian rảnh để ngồi chăm chút, trang trí, chuyển tay nhau để viết nữa, những kỳ thi liên tiếp ập đến chúng ta không thể nào viết tất cả lưu bút của tất cả các bạn trong lớp được. Ai cũng muốn có một chút gì đó để làm kỷ niệm nhưng thời gian không cho phép thì chúng ta đành chịu.

DẤU ẤN THỜI GIAN

Một nhánh phượng hồng, một bức ảnh, một chút trang trí xinh xinh, những cái note đáng yêu của bạn bạn...cứ khiến cho bạn cười mãi. Cứ đến mùa lưu bút là trong lớp rộn ràng hẳn lên, đi đâu cũng nghe thấy tiếng y ơi :

« Ê ! Nhớ để phần tui cái ảnh nhá « hay « Mà đem về viết gắp cho tao nghe « , « Phải viết cho thật sống động, thật dễ thương nha «Ai cũng muốn lưu bút của mình hay nhất, độc đáo nhất nên đi săn lùng những hình ảnh độc để tặng bạn « lé mắt «

Tất nhiên tùy vào mỗi cấp mà chúng ta có thể trang trí một cách công phu hơn, đối với học sinh lớp 5 hoặc lớp 9 thì mức độ trang trí công phu hơn vì thời gian của các bạn vẫn còn khá thong thả, còn đối với các bạn 12 thì lưu bút sẽ đơn giản hơn, các bạn chỉ mong sao có một cái gì đó để nhớ về một thời cấp 3 với bao mộng tưởng, chỉ cần gõ bút tích của những người bạn là tốt rồi... Đặc biệt ở một số lớp sau khi hoàn thành những cuốn lưu bút xong rồi sẽ tổ chức cuộc thi xem ai trang trí lưu bút của mình đẹp nhất.

HOÀI NIỆM CỦA TUỔI HỌC TRÒ

Tùy vào mỗi người mà có thể cho ra đời những cuốn lưu bút thật đặc biệt và mang nhiều tình bạn sâu đậm. Tuy nhiên chúng ta phải biết lựa chọn thời điểm thích hợp để trao lời yêu thương đến bạn bè của mình. Một số bạn muốn nhanh chóng hoàn thành cuốn lưu bút nên thay vì phải luân phiên nhau viết rất tốn thời gian, các bạn ấy mua giấy rồi phát cho từng bạn, sau khi viết xong các bạn sẽ đóng lại thành một tập, khoảng thời gian còn lại các bạn có thể dành cho việc học hoặc việc trang trí cho cuốn lưu bút thật đẹp

Những niên khóa cuối thật có ý nghĩa biết bao, tình bạn trở thành một thứ tình cảm rất thiêng liêng. Những lỗi lầm các bạn hãy thứ tha để dành trọn vẹn những ngày tháng còn lại này cho những kỷ niệm. Bạn ơi ! có những lỗi lầm có thể tha thứ được thì hãy nên tha thứ, mọi thứ sẽ tốt đẹp hơn đó. Mai này khi nhìn lại quãng thời gian học trò của mình bạn sẽ không nuối tiếc chút nào... ■

Những niên khóa cuối thật có ý nghĩa biết bao, tình bạn trở thành một thứ tình cảm rất thiêng liêng.

Trích vài đoạn văn trong những cuốn lưu bút ngày niên thiếu

« Mỗi khi xuân sang, hè sắp đến bạn bè chung trường chung lớp lại chuyển tay nhau từng quyển lưu bút xinh xinh để ghi lại những dòng lưu niệm, những luyện lưu khi sắp phải xa thầy xa bạn. Trang lưu bút Thời Áo Trắng cũng được dùng để ghi lại những tâm tình, những cảm xúc, những gợi nhớ về các kỷ niệm của một thời học sinh. Mong bạn hãy viết những cảm nghĩ của mình vào trang lưu bút này như một kỷ niệm thân thương sau một lần ghé thăm Thời Áo Trắng.»

« Cuộc vui nào rồi cũng sẽ tàn, mùa hè đến rồi cũng sẽ qua đi, mùa hoa phượng vĩ kia nở hoa rồi cũng đến ngày tàn theo năm tháng. Xin hãy giữ một chút kỷ niệm đẹp trong tâm hồn để cảm thấy đời mình thêm thanh thản và nhẹ với lòng, cuộc sống này không ai nói và biết trước được điều gì; khi nào ta còn tồn tại, ta sẽ sống hết mình. mùa hoa phượng vĩ kia cũng đã một lần làm đẹp cho đời mỗi khi hè sang »

« Tổ yêu mùa hè bởi những ngày sắp nghỉ hè, chúng mình hái những cành phượng vĩ rồi vứt đầy ra lớp, lớp toàn màu đỏ của hoa phượng, bởi những lần chúng ta cố vươn tay ra hái cho được một bông hoa phượng, nhưng có lần nào hái được đâu. Tổ yêu mùa hè bởi trong cái nắng oi bức chúng ta vẫn cố gắng miệt mài học, và tao mà lại ngồi kể cho nhau nghe những ước mơ những hoài bão những dự định, chúng ta sắp ra trường rồi. Trong đêm chúng ta vẫn cần mẫn, tiếng ve kêu khiến ai cũng nao nao, sợ hãi, lo lắng và cả chút hy vọng, một tương lai... »

« Để một ngày, ta bàng hoàng nhận ra, mùa hè không còn nữa. Cuộc sống vẫn tiếp diễn, vẫn không ngừng nghỉ. Ôi cái nắng hè giờ đây sao mà gay gắt, sao mà chói chang, sao mà nóng bỏng. Ta lạnh lùng mong mùa hè qua mau. Và ta giật mình, mới ngày nào ta đếm từng ngày mong mùa hè nhanh đến. Mùa hè vẫn chỉ là mùa hè thôi, chỉ tại ta đã biết cách vô tình. Chỉ tại ta đang quên dần mùa hè. Chỉ tại ta không thể nào chạm được đến tuổi thơ... »

« Ta chỉ có một điều ước thôi, ước được sống lại những ngày hè thời thơ ấu. Giá như có cỗ máy thời gian thật sự, ta sẽ trở về và trốn biệt trong quá khứ không về nữa. Ta sẽ lặn thật sâu vào dòng suối tuổi thơ để không ai tìm ra ta, chỉ có những viên sỏi đủ màu sắc lấp lánh phản chiếu ánh nắng hè hiền hoà, ấm áp...»

« Xin làm cánh Phượng lang thang, để nghe Ve hát râm ran mùa hè. Mùa hè với hoa Phượng đỏ. Mùa Hè gợi nhớ, gợi thương. Mùa Hè khép lại cổng trường và trôi hết một thời ngập tràn kỷ niệm với bảng đen, phấn trắng, với những mắt nhìn thăm lặng, vụng trộm trao nhau.

Những rụt rè, e ấp rất dễ thương. Tất cả đã làm nên những kỷ niệm khó phai. Mãi mãi trong lòng là nỗi nhớ một « Thời Áo trắng «...với ngôi trường, với lớp học, với bạn bè và với...một bóng hình nhạt nhòa theo năm tháng, nhưng không thể nào quên ! »

« Năm qua, tôi có dịp gặp một số sinh viên tại Việt Nam, một kỷ niệm khó quên. Các bạn đã chia sẻ những lo lắng về tương lai, những bức xúc về xã hội VN, những vất vả của cuộc sống hằng ngày. Tuy vậy, các bạn luôn vui vẻ, ham học và cầu tiến. Hình ảnh đẹp nhất mà tôi giữ mãi : nụ cười trên khuôn mặt rạng rỡ của các bạn lúc chia tay.» ■



Những Bài Thơ Không Đề

1/Mực tím dễ thương áo trắng ai
Đừng đem mây xuống vắng chân trời
Em đi một bước ta dừng lại
Nghe tím dọc đường cỏ non phơi
2/Ngập ngừng áo trắng ô hay
Bài thơ lưu bút trao tay thẹn thùng
Đến rồi ngày đó rưng rưng
Con ve rã giọng trên lưng phượng hồng
3/Một chút thu vàng một chút xuân
Rằm trăng ngày ấy chẳng bằng khuâng
Tinh khôi trang giấy thơm mùi vở
Cỏ rối đường về không vướng chân
4/Áo nàng vàng tôi yêu hoa cúc
Áo nàng xanh tôi mến lá sân trường
Sợ thư tình không đủ nghĩa yêu thương
Tôi thay mực cho vừa màu áo tím
5/Một mai rồi tháng năm sẽ lớn
Ai sẽ quên một thoáng trời hồng
Sẽ quên có một người đợi trông
Một kẻ đứng dọc đường mãi đợi
6/Vậy đó mà bỗng nhiên họ lớn
Tuổi 20 đã đến có ai ngờ ?
Một hôm giai khúc mùa ve lại
Đứng ngẩn trông vờ màu áo tuổi thơ
7/Xin được mãi là thiên thần áo trắng
Giọt mực hồn nhiên đậu lại trên tay
Xin nghe hoài loài sơn ca thánh thót
Của những ngày hoa nắng thơ ngây
8/Đừng đến nữa ngày già từ lớp học
Đừng chia tay để rồi ai cũng khóc
Khi tất cả quanh mình hóa thân thương
Và đừng quên nghe một thuở học đường
9/Hững hờ gió thổi rung cây
Một bông hoa phượng rơi ngay đầu thềm
Ra sân định nhật tặng em
Ngờ đâu em đã đến xem trước rồi
10/Kỷ niệm xưa ngỡ chừng như im bật
Chợt hiện về nguyên vẹn ở trong tim
Nghe băng khuâng sao cứ muốn đi tìm
Tháng ngày qua lấm lem màu mực tím
11/Mấy nhịp cầu tre đưa ta về chốn cũ
Chút ân tình xin nhắc gửi về ai
Ngõ vắng năm xưa giờ còn chung kỷ niệm
Khi xa rồi còn đọng mãi trong tim ■

Học trò

Ngày xưa nhớ tuổi học trò
Những chiều tan học mình chờ đợi nhau
Nhớ gì trong gió lao xao
Em cười trong mắt mà sao ngưng ngừng
Sao em tôi cũng ngưng ngừng
Từng màu hoa phượng thẹn thùng rưng rờ
Bài thơ đã viết hết lời
Muốn trao rồi ngại, ngại rồi không trao
Để mùa hạ ấy qua mau
Để rồi kỷ niệm đi vào tháng năm
Để giờ tôi đã xa xăm
Còn đâu trong gió tiếng thẹn thùng xưa
Ps : Cho những ngày học cuối 2001

Ký ức một thời

Thế là hết những ngày thơ mộng
Phượng nở vội vàng giục giã mùa thi
Lớp mình rồi đây kẻ ở người đi
Lưu luyến quá nên ta còn ngồi lại
Sống bên nhau từ những ngày thơ dại
Mai xa rồi thương lắm bạn bè ơi
Buổi học cuối cùng mỗi đứa một nơi
Rưng rưng khóc cho những gì đã mất
Rưng rưng khóc cho những gì thân thương nhất
Tưởng còn đâu nữa để đi tìm
Bạn nhìn tôi, tôi cũng chỉ lặng im
Bóng bạn nhạt nhòa trong mắt tôi ướt đẫm
Vẫn còn đó bao nhiêu điều da diết
Muốn nói thật nhiều sao ta lại lặng thinh
Tạm biệt chỗ ngồi quá đỗi thân quen
Tạm biệt những vần thơ học trò còn dang dở
Tạm biệt tuổi học trò cùng tất cả
Gửi lại sau lưng ký ức một thời ! ■

Tuổi học trò...

■ Tú Yên

Còn đâu nữa con đường hoa nắng
Tuổi học trò thầm lặng những yêu thương
Ai theo ai theo suốt cả con đường...
Đường tan học ngập tràn - vàng sắc lá !
Tuổi học trò...giờ trở thành xa lạ
Nhớ vô cùng kỷ niệm của ngày xưa
Ai mong ai mà tìm mãi trong mưa ?
Từng hạt nước như hạt buồn - rơi xuống !
Tuổi học trò...giờ đã thành không tưởng
Ta ôm hoài những kỷ niệm xa xưa
Còn lại gì khi nhìn những hạt mưa ?
Mưa buồn lắm như lòng ta - buồn lắm !! ■

Thơ : Tuổi học trò

Thơ Xuân Quyền

Mười năm nhìn lại trường xưa
 Đôi hàng phượng vĩ đong đưa đón chào
 Vẫn tà áo trắng xuyên xao
 Bóng hình thầy cũ dán cao lưng trời.
 Vầng mây xưa vẫn nghiêng trôi
 Vẫn làn gió mát của thời mộng mơ
 Nhìn em áo trắng bây giờ
 Hỏi mùa hạ trắng còn chờ đợi nhau
 Mười năm thăm lặng nỗi sầu
 Rồi đây áo trắng qua cầu đổi thay
 Công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy
 Làm sao sánh được ơn dày tựa non
 Nước xuôi sông cạn đá mòn
 Cuộc đời thành đạt ấy công ơn thầy
 Mười năm trường cũ giờ đây
 Tóc thầy nay đã pha đầy tuyết sương.

Nhỏ cứ hồn nhiên trong áo trắng
 Mùa đông thành phố chập chùng mây
 Môi ngoan nhỏ hãy bưng tia nắng
 Rọi xuống đời anh lấm đốm say.
 Nhỏ cứ hồn nhiên bước đến trường
 Bước từng bước nhỏ rất dễ thương
 Mây đông hoá hiện ngàn hoa sứ
 Xòe nở lòng anh tỏa ngát hương
 Nhỏ cứ hồn nhiên về lối nhỏ
 Mây đông ùn gió, gió ùn mưa
 ùn ùn anh phổ thơ Nguyễn Bính :
 Tương tư là bệnh của... ai chưa?
 Nhỏ cứ hồn nhiên bước vào đời anh
 Bước từng bước nhỏ rất đan thanh
 Chăm chậm nhỏ à, chừng kéo lạc
 Ngã sáu thương thương, ngã bảy tình.
 Nhỏ cứ hồn nhiên bước khỏi đời anh
 Bước từng bước nhỏ lạnh tàng tanh
 Mây đông đông lại thành băng tuyết
 Nhắm trúng tim anh phủ cái ình !

Con bướm vàng đậu trên trang vở cũ
 Cho trái tim thấp lửa bồi hồi
 Lòng bỗng nhớ tuổi hoa niên da diết
 Ta lớn rồi, chỉ dám khóc nhỏ thôi...
 Ngày đốt chút nắng vàng lưu luyến
 Cùng mỗi niềm trong trẻo của ta ơi
 Hình như gió của một thời tím tím
 Xô ta buồn theo chiếc lá đang rơi...
 Bức thư ngỏ tuổi hoa niên gửi đến
 Trong băng khuôn tà áo chiều nay
 Em có nhớ một thời, em có nhớ,
 Khi ta buồn lau nước mắt bằng thơ
 Ta mua vé tìm về kỷ niệm
 Bằng một nhánh cỏ khô trong trang sách
 học trò
 Những năm tháng qua ta rồi, rất khế
 Nên dành lòng sống giữa giấc mơ thôi...

Mùa Hạ

Thái Anh
 Chị vẫn nhớ hạ về trên quê mẹ
 Nắng xôn xao phượng đỏ lối đi về
 Thênh thang thả diều no gió triển đê
 Tiếng ve buồn gọi nhau mùa kỷ niệm
 Chị xa lắm nhưng lòng đầy lưu luyến
 Nhớ nòng nài cái nắng hạ chói chang
 Nhớ bóng râm cây gạo đầu làng
 Ngồi hóng mát buổi trưa hè tránh nắng
 Một mùa thương, một mùa xa vắng
 Dưới mái trường phượng đỏ chia xa
 Trang lưu bút những dòng chữ lệ nhòa
 Viết trao nhau để bước vào đại học...
 Mấy mươi năm một mùa hè ước vọng
 Gặp lại bạn bè, gặp lại thầy cô
 Vẫn chưa thành và đó chỉ là mơ
 Xa lắm lắm biết bao giờ là thật ?
 Cho chị gửi lời yêu về thăm hạ
 Một mùa xa thương nhớ vẫn vơi đây
 Vẫn đượm nồng như màu phượng đỏ say
 Vẫn thốn thức ước mong ngày hội ngộ

Kỷ niệm mùa hè

Kimbl
 Hè xứ người không có tiếng ve
 Không hoa phượng gợi nhớ trường lớp cũ
 Nắng chói chang cho má ai bừng đỏ
 Nổi xồn xang tim ký ức hè về
 Vi vu sáo diều no gió ven đê
 Cánh bướm nâu như tay ai vẫy gọi
 Bãi dâu xanh che nỗi niềm bối rối
 Sau hè này mỗi đứa đã một phương
 Ôi mùa hè cháy bỏng yêu thương
 Những cách xa khi mái đầu điểm bạc
 Khi hè về vẫn bừng lên rạo rực
 Như thấy mình vừa qua một giấc mơ...
 Hè 2010 - Tặng chị TA

Gió gọi Ve về...

Tú Yên
 Ra rã tiếng Ve ngày Hè...gọi Phượng
 Gốc già nua trải bao nỗi thăng trầm
 Sao vẫn cứ đứng bình yên thế mãi...
 Có rộn ràng khi Phượng nở đầy không ?
 Màu thắm đỏ như gửi lời nhung nhớ
 Một thuở học trò với ngóng đợi vu vơ
 Ta mong ước mùa Hè đừng đến nữa
 Để quên đi nỗi nhớ đến vô bờ !
 Phượng bao tuổi mà khô cần đến thế ?
 Lại rực tươi sáng cả góc mùa Hè...
 Ta nhớ lắm - nhớ một thời...nhớ lắm !
 Phượng nồng nàn gọi gió...
 Đón tiếng ve !

Bài Thơ Mực Tím

Nhắc anh ngoảnh lại đằng sau ấy
 Mười hai năm - áo trắng sân trường
 Màu hoa - không phải - màu lửa cháy
 Nhưng làm sao đốt được nhớ thương ?
 Oí bàn học cũ gần cửa sổ
 Giờ « vẫn » thơ thần ngó ra đường
 Ngóng ai ? Ai ngắm ? Dài thêm cổ
 Mà hồn bay bổng tựa khói sương
 Mùa thi chẳng kịp trao lời hứa
 Mười hai năm ấy ngắn hay dài
 Chẳng biết sẽ buồn hay vui nữa
 Năm học cuối cùng ai tiễn ai ?
 Hình như, có lẽ chưa thì phải
 Có lẽ, hình như đến chục lần
 « Quân tử nhất ngôn quân tử đại »
 Đôi khi muốn nói đại cho rồi
 Cuối cùng chẳng biết ai có lỗi
 Không lẽ trách oan cái cổng trường
 Khiến anh hồi hộp, anh bối rối
 Cất lời bày tỏ... kém văn chương.
 Như chim tung cánh về khắp chốn
 Thầy xa bạn cũng biệt phương nào
 Tuổi đời chông chất càng bận rộn
 Vẫn dành một góc nhớ về nhau
 Giờ trang lưu bút ngày xưa ấy
 Hiện bao khuôn mặt tháng năm dài...
 Bài thơ nắn nót buồn trên giấy
 Đến giờ mực tím vẫn chưa phai.

Thơ : Tuổi học trò



Poésie

Mes souvenirs d'école...

■ Gicredo

Mes souvenirs d'école
sont toujours du voyage,
comme souffle d'Eole
achemine l'orage.
Je parcourais le monde
perché sur mon nuage,
l'infatigable ronde
des enfants de mon âge.
Je me souviens encore
des balles au prisonnier...
celui-là, le plus fort,
était toujours dernier.
On jouait dans la cour
des jeux d'une autre époque,
nos parties d'osselets
aujourd'hui l'on s'en moque.
Le maître était sévère
et comme punition,
on copiait tous les vers
de nos récitations.

Si l'on pouvait d'un coup
retourner en arrière,
moi j'aimerais beaucoup
qu'on soit encore hier.
Sous le préau, collé,
un jour j'ai découvert,
pour un baiser volé
l'amour de ses yeux verts.
Ma première émotion
et mon premier paraître,
ma première passion
fut la fille du maître.
Aujourd'hui je rimaille
entre portes ouvertes,
Cyrano, j'escrimaille
sur la lune déserte.
Mes souvenirs d'école
sont toujours doux-amers...
des pas qui caracolent
aux neiges de l'hiver. ■

Souvenirs d'école

■ Lunastrelle

Des brouillons pleins les poches
Se mêlent à ses crayons tout mâchouillés
Sur son bureau, affalée comme une muse
La jeune demoiselle, dans la lune s'amuse
Les aiguilles de la pendule entament leur danse
Le professeur parcourt la classe avec outrance
Un cours méthodiquement préparé
Depuis des années, se joue dans ce lycée
Un sac éventré se répand sur le plancher
Le jeune homme nerveux, ramasse ses cahiers
Baudelaire flirte avec la révolution
Des pages déchirées mêlées aux cours de violon
Devant la fenêtre, une créature familière
Un chaton sauvage contemple la verrière
Où des cousins de Titi se prélassent
Dans une fontaine rongée par la crasse
Le vieux bureau est un souvenir
Du temps où mai 68 avait de l'avenir
Avec le tableau poudré de calcaire
Ils courtisent le soir l'aide-ménagère
Le préau est un reflet de l'image
Sur les cartes postales des petits villages
Son toit en ardoise est recouvert par les fleurs
Qui chaque année, forment des vœux de bonheur
Un merle alerte chante sur le chêne ancien
Où pour la première fois, tu m'as tenu la main
En son centre, notre offrande toujours scellée
Nos deux noms unis pour l'éternité. ■

■ Claudie Becques

Il est bien loin le temps des pupitres d'école...
D'un côté les garçons et de l'autre les filles,
En classe ou en récré, c'était le protocole ;
Les tabliers cachaient habits chics ou guenilles.
Je me souviens encore de l'odeur de la craie,
De la carte de France suspendue au mur...
Côte à côte on s'échangeait nos petits secrets
Penché sur son voisin dans un bruyant murmure.
Puis la règle claquait et le maître criait :
«Vous copierez cent fois : je dois me faire en cours !»
Rouge aux joues on plongeait la plume en l'encrier,
Impatients de finir l'histoire dans la cour.
Nos yeux suivaient alors la mouche sur la vitre
Dans sa danse infernale pour la liberté.
Il est bien loin le temps où l'on faisait le pitre...
Celui de l'insouciance et la fraternité. ■

La maîtresse d'école

■ Jean-Pierre Georget

Doux voyage sur l'enfance, grenier à souvenirs,
Doux voyage sur l'enfance au détour d'un sourire.
Au temps d'un enseignement fait de force, de rudesse,
Notre maîtresse pourtant n'était que gentillesse,
Et semblait s'étonner de nos mines apeurées,
Quand parfois elle devait légèrement nous gronder.
Sans le moindre coup de pied, sans la moindre taloche,
Elle nous faisait entrer dans nos fragiles caboches
L'art de l'auto-dictée, la belle histoire de France,
Le plaisir du calcul et l'appétit des sciences.
Les cancre inévitables, les vilains turbulents,
A force de regards et sourires indulgents,
Baissaient bien vite la garde, rendaient bien vite les armes,
Sans la moindre violence et sans la moindre larme.
De jolis mots tracés d'une écriture penchée
Que l'ensemble de la classe s'efforçait d'imiter,
Décoraient le tableau tout habillé de noir
Et que, honneur suprême, nous effacions le soir.
Alors la classe fleurait la blanche poussière de craie
Qui maquillait nos joues comme celles des stars du muet,
Et l'encre coulait dans l'encrier de porcelaine
Dans une ambiance si calme, si douce et si sereine.
Après une lourde épreuve, elle nous est revenue
Toute revêtue de triste avec un noir fichu,
Mais devant les élèves il ne faut pas flancher
Car le courage se puise dans l'amour du métier.
Et son large sourire éclairait son visage
Jusqu'à vous dégoûter de ne point être sage,
Et les roses s'offraient d'un timide petit geste
Même de la part de ceux que l'on traitait de peste.
Le dernier jour de classe avant les grandes vacances
Elle nous donna à tous, tendre souvenir d'enfance,
Un affectueux baiser à faire rougir nos joues,
A nous rendre honteux de rentrer si vite chez nous.
Doux voyage sur l'enfance, grenier à souvenirs,
Doux voyage sur l'enfance au détour d'un sourire. ■

Souvenir d'écolier

■ SUKI

Je me souviens de ce tableau noir
La ou le maître inscrivait les devoirs
Les lettres inscrites à la craie
Tous ces mots nous émerveillaient
Les tintements des cloches
Indiquaient la fin proche
Le cœur plein d'entrain à la récréation
Le moral retombait quand on entendait
Le mot rédaction
Je n'étais pas fan des dictées
Mais de toute façon on devait y passer
Dans la cour on s'amusait à
des jeux d'enfants
Qui tous les jours devenaient lassants

Je me souviens de toutes ces odeurs
Cette ambiance de chaleur
Le parfum du papier mâché
De toutes ces œuvres qu'on n'a sculptées
Les odeurs de photocopie à l'encre

Toutes ces petites choses me manquent

Je me souviens de ce tableau noir
Des interrogations du désespoir
Devant ce grand tableau
Où était inscrit plein de chose
La ou on récitait nos leçons
Les devoirs faits à la maison
Quant l'instituteur appelait nos prénoms
On était censé avoir appris nos leçons
Pour tous devoirs non appris
C'était la grande punition
Un mot sur le carnet de liaison
Et quand on rentrait le sourire de
la journée « fini »
Des journées à l'école
A apprendre certain protocole
Mes souvenirs se tarissent
Mais en vieillissant s'embellissent ■

Sur le chemin de l'école.

■ Qassid

Je me souviens sur le chemin de l'école,
Je parcourais cette avenue ombragée.
Mon vieux cartable sur le dos me colle
Et serré dans mon tablier jaune orangé.
Je me souviens de la cour et de sa cloche
Qui teintait dans les airs mélodieusement.
Ici, je jouais aux billes plein les poches
Avec tous les camarades joyeusement.
Je me souviens du grand tableau noir
Barbouillé de craies de toutes les couleurs,
Où des écritures cursives de nos devoirs
Étaient gravées par notre vieil instituteur.
Je me souviens des tables et leurs encriers,
Bien rangées dans l'espace de la classe.
On y posait nos cahiers et nos plumiers,
Notre pâte à modeler pleine de crasse.
Je me souviens du poêle et de sa chaleur,
Où pétillaient les bûches de bois.
L'ambiance était d'une grande ardeur,
Quand dehors il faisait très froid.
Je me souviens de mes belles leçons
De calcul, de géographie et d'histoire.
Des travaux pratiques que nous faisons.
C'était l'école de la joie et de l'espoir... ■

Nos cahiers d'école

■ Archives départementales d'Indre et Loire

Qui n'a pas gardé, parmi ses archives personnelles, ses premiers cahiers d'école, tant la valeur sentimentale de ce type de document est forte.

« Marqués de la griffe de la plume, de la bille du Bic ou de la pointe du feutre, nos cahiers d'écolier ont accompagné la disparition du porte-plume, l'explosion de la télévision, les soubresauts de Mai 1968, le premier pas de l'homme sur la lune...

Ils ont aujourd'hui l'odeur du temps qui passe... Ils sont la preuve de notre enfance... » Jean-Pierre Guéno et Pascal Delannoy. Préface de l'ouvrage Nos cahiers d'écoliers (1880-1968), de Rachel Grunstein et Jérôme Pecnard, Edition des Arènes, 2002.

Le cahier est un très vieux outil scolaire

Il est clairement identifié dans le texte qui organise la vie des écoles chrétiennes fondées par Jean-Baptiste de La Salle au 17e siècle. Tout écolier qui apprend à écrire doit demander à ses parents de lui acheter du papier « plié en quatre et cousu sur toute la hauteur ». Toutefois, c'est le 19e siècle qui donne au cahier cette force symbolique qu'il garde encore. En 1892, Jean-Alexandre Seyès, libraire-papetier à Pontoise, dépose au tribunal de sa ville le modèle déposé de sa réglure, toujours si caractéristique de la papeterie scolaire française : un carré de 0,8 cm de côté découpé horizontalement en 4 espaces de 0,2 cm de haut. Le cahier « à grands carreaux » est né, et depuis plus d'un siècle, nul ne songe à le remettre en cause, si ce n'est dans le choix de la taille et dans celui de la feuille de classeur.

Le cahier de devoirs mensuels

Mis en place dans le cadre de la loi scolaire du 27 juillet 1882, son modèle reste inchangé pendant près de 70 ans.

Les pages de la couverture portent les recommandations adressées à l'élève :

Enfant ! Ce cahier vous est remis pour être le compagnon et le témoin de vos études durant le temps que vous passerez à l'école. Tous les mois, vous y remplirez quelques pages, vous y écrirez le devoir que l'on vous aura donné à faire ; ce devoir, vous le ferez de votre mieux, en classe sans vous faire aider de personne. Et vous continuerez ainsi jusqu'à votre sortie de l'école, c'est-à-dire jusqu'à l'âge de 13 ans ou jusqu'à ce que vous ayez obtenu le certificat d'études...

Les devoirs mensuels ainsi réunis ne formeront ensemble qu'un bien petit volume. Cependant ils sont en quelque sorte le résumé de toute votre enfance, l'histoire sommaire de vos six ou sept années d'études. Vous serez heureux d'emporter le souvenir de votre école le jour où vous en sortirez. Vous garderez ce modeste recueil qui témoignera devant vous-même et devant tous, de ce que vous avez été dans votre jeune âge...

Enfant ! Songez encore à ceci : On ne travaille pas pour soi seul dans ce monde, on travaille aussi pour les autres. Les petits enfants eux-mêmes travaillent pour leur pays. Car les bons écoliers feront les bons citoyens. Si vous profitez sérieusement de tous les moyens d'instruction que la République prend soin d'offrir à tous ses enfants, vous pourrez rendre un jour à la patrie ce que la patrie fait aujourd'hui pour vous.»

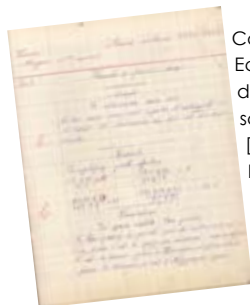


Cahier de devoirs mensuels d'Albert Bouteiller, alors âgé de 14 ans. Cours supérieur, école de Loches, 1887 (coll. part)

Le cahier de roulement

Cahier de roulement, année scolaire 1941-1942 [80W15]. En 1895, le ministre de l'Instruction publique insiste sur le rôle du cahier de roulement, dont il apprécie la généralisation :

« C'est un cahier, où chaque jour, un élève différent inscrit les devoirs de la journée. C'est le témoin des efforts du maître et des élèves, le livre où s'inscrit jour après jour, les résultats réels de l'application du programme, jugées non d'après un élève choisi, mais d'après la classe entière ».



Cahier de roulement. Ecole primaire d'Indre-et-Loire. Année scolaire 1941-1942 [80W15].

Pages du lundi 9 février 1942. Cours moyen 1ère an-

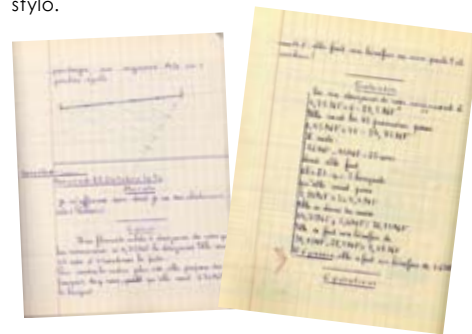
née. Leçons de morale, calcul, vocabulaire, écriture. On remarque le choix du thème patriotique pour la leçon de vocabulaire. « La patrie, c'est le pays où vécurent nos ancêtres. C'est la France pour les Français, c'est la Chine pour les Chinois, c'est l'Allemagne pour l'Allemand, l'Alsace pour l'Alsacien. Tous les habitants de la même patrie sont des concitoyens ou des compatriotes. Le patriotisme n'est pas la haine de l'étranger, pas plus que l'amour du village n'est la haine des autres villages.»

En 1959, on utilise toujours ce système du cahier de roulement à l'école Saint-Hippolyte, près de Loches.



Cahier de roulement. Rédaction, 7 novembre 1959 [1181W8]

Les nouveaux francs ont fait leur apparition dans les exercices de calcul, mais l'encre violette n'a pas encore été détrônée par le stylo.



Cahier de roulement. Calcul, 28 octobre 1959 [1181W8]

Le cahier du jour

Personnel à chaque élève, on y trouve la leçon d'écriture, la dictée, la rédaction, les exercices d'arithmétique, le croquis de sciences naturelles et les cartes de géographie. Aux couvertures sobres de la fin du 19e siècle succèdent des couvertures à but pédagogique illustrant les disciplines scolaires : histoire, grands hommes, monuments célèbres...



L'image de saint Louis, rendant la justice sous un chêne, qui a marqué de nombreuses générations d'élèves, est complétée au dos par un texte apologétique du roi, enfant désobéissant devenu un saint : « Le roi saint Louis fut élevé très sévèrement par sa mère Blanche de Castille. L'enfant n'écoutait pas toujours son maître, il se mettait facilement en colère, on le fouettait durement. A force de volonté, le roi saint Louis, qui était bon, devint patient. Saint Louis fut toujours charitable. Ce roi de France distribuait des aumônes, il visitait les malades, il faisait souvent asseoir des pauvres à sa table et il les servait lui-même. Pendant l'été, le roi habitait Vincennes, il s'asseyait avec ses conseillers, au pied d'un chêne de la forêt et faisait le juge.»

Certains établissements, en échange de fournitures, n'hésitent pas à faire leur publicité. Comme le souligne ce texte : « la Caisse d'épargne de Tours, qui t'offre ce protège cahier, te rappelle qu'elle est ouverte pour toutes les opérations



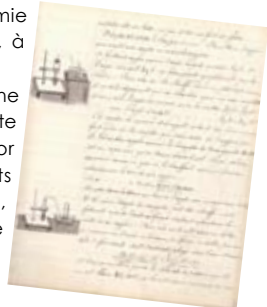
Protège cahier offert par la Caisse d'Épargne et utilisé sur un cahier de devoirs (couverture et rabats intérieurs). Ecole primaire d'Indre-et-Loire, année scolaire 1963-1964 [80W15]

Des cahiers bien ornés

Les journées d'exercice ne sont pas toujours séparées par un simple trait. Une frise colorée, prétexte à un exercice géométrique, sépare parfois les parties [80W15] :

Certains élèves font preuve d'un don certain pour l'illustration de leurs cours. Ainsi Benjamin Chaussemiche, âgé de 16 ans, dessine avec talent en 1880 les croquis de son cours de chimie au lycée Descartes, à Tours.

Quelques années plus tard, il ne devient pas un grand chimiste mais élève de l'architecte Victor Laloux, à l'Ecole des Beaux-Arts de Paris. Il devient architecte, grand prix de Rome et séjourne à Rome à la Villa Médicis. ■



Ve ve - giai điệu mùa hè

■ Chu Mạnh Cường

Mỗi khi hè về, trên cây lại râm ran tiếng ve kêu. Tiếng ve báo hiệu một mùa hoa phượng đỏ rực, một mùa hoa điệp thật vàng và một mùa băng lăng tím ngắt thân thương.

Ve là một trong những loại côn trùng đặc biệt gắn liền với tuổi thơ cắp sách đến trường. Học sinh dường như ai cũng mong đến mùa hè để được nghe tiếng ve, được bắt ve chơi, để độ nhau xem con nào hát hay, ngân lâu. Trong số các côn trùng, con ve sống bám vào cây, chúng gần như ít di chuyển mà ở tập trung trên ngọn cao. Số lượng ve vì thế rất đông. Trên một khoảng cách nhỏ, chỉ vài km đã có tới cả triệu con ve. Ve cũng có khá nhiều loại : Ve nhỏ, ve to, ve thợ, ve chúa. Chúng có nhiều màu sắc như : vàng, xanh, đỏ, xám, hung, da cam, nâu sồng đáng kể là màu nâu đậm, cánh gián, thi thoảng đốm hồng, mắt đỏ, đầu xanh, với hai cánh là hai lớp áo trong suốt. Ve sấu là loại ve được học trò yêu nhất vì chúng có « giọng hát » du dương, và kéo dài khá lâu, trong suốt cả ba tháng hè. Âm thanh lên tới 85 decibel và ngân vang với tần số 500 hertz.

Bản nhạc này cất lên, dừng một chút, lại vì vút bản nhạc khác, khoảng cách đều đặn, nhịp điệu i i ve ve suốt cả ngày tới đêm, lúc thanh lúc đục, xa xa gần gần. Hiếm ai biết rõ đời sống của những chú ve. Nhưng dường như chúng rất quý củ. Ve đực phát ra âm thanh ồ ồ, rộn ràng được là nhờ cấu tạo màng mỏng giống như cái trống ở hai thành bụng, lúc thóp vào lúc phồng lên tạo ra tiếng kêu. Cứ từ tốn song khác nhau, con này kêu con khác nghỉ, tạo thành một bản trường ca. Ve chịu được sự khắc nghiệt của thời tiết : nắng, gió và mưa được là nhờ dưới lớp cánh có những nang mỡ hôi. Sau sáu tuần, ve trưởng thành đã có thể tiến hành giao phối. Ve cái sau khi đẻ trứng, tốp đi rồi chết. Trứng ủ sau lớp vỏ cây mục sát mặt đất, khi đủ ẩm nở ra bọ ve và bò lên các nhánh cây thấp. Hàng trăm con bọ ve nhỏ xinh, hút lấy nhựa cây, mật hoa và sương đêm để mau lớn.

Khoảng một tuần chúng trở thành những con ve nâu, đỏ, bóng bẩy với đôi cánh tiên trắng hoặc đốm màu hát hay, bay giỏi. Trẻ nhỏ thường biết rõ về ve và bọ ve hơn cả người lớn, đám trẻ thường theo dõi từng gốc cây trong khu nhà ở, công viên, chỗ nào cây to, rậm rạp nhiều hốc, ẩm thấp là chỗ ấy có ve con, rồi lượm về nuôi : ngắt lá lấy nhựa cho chúng hút nhựa. Ve sống kín đáo trong tổ của mình, duy trì sự sống và sẽ lại ngân nga khi mỗi độ hè về. Ve là nguồn cảm hứng cho nhiều nhạc sĩ, một số nhạc phẩm được ra đời dành cho lứa tuổi học sinh, sinh viên như bài : Hát với chú ve con... Các nhà làm phim cũng đã làm ra những bộ phim dành cho học trò như một kỷ niệm vui về mùa hè, thời niên thiếu... Tiếng ve kêu, màu hoa phượng đỏ, màu tím của hoa băng lăng và màu hoa điệp vàng rực rỡ đã tạo nên những mùa hè không thể quên được, nhất là đối với lứa tuổi học sinh. ■



Le chapeau conique

■ **Sưu Tâm**

Le chapeau conique du pays : le nón lá (chapeau conique tissé à partir de feuilles de palmier) existe depuis 2000 ou 3000 ans. A l'origine, le nón lá était tissé et tressé. Ce n'est qu'au 3e siècle av. JC, quand le fer a été utilisé, que les gens ont commencé à utiliser des aiguilles pour coudre les feuilles du nón lá.

Les matériaux pour la fabrication sont des plus simples, le principal étant des feuilles et des fibres du palmier Moc (ces derniers maintenant remplacés par des fils de nylon). L'armature est en bambou. Tout d'abord, les artisans doivent traiter les feuilles en les plaçant à plat sur une plaque de fer chaud et en les pressant avec une poignée de tissu à une température précise, afin de ne pas les brûler. Une température insuffisante ne permettra pas d'atteindre la planéité nécessaire. Les feuilles sont fumées avec du soufre pour qu'elles se décolorent à blanc et soient résistantes à la moisissure. Les bambous sont coupés dans le sens de la longueur pour faire des armatures, puis fumés pour résister aux termites et autres insectes xylophages.

La beauté du nón lá dépend beaucoup de l'habileté des artisans. Il existe de nombreuses sortes de nón lá, tels que le nón thung rộng vành (panier en forme de chapeau conique), le nón ba tầm (chapeau plat de palme à franges). Un miroir est parfois attaché à l'intérieur du nón lá. Sous les feuilles d'une blancheur presque transparente, on glisse parfois un poème populaire, ou encore l'image d'un temple, d'un palais ou d'une pagode. Ce type de nón lá est appelé nón Bài thơ. Le nón lá se marie à la perfection avec la tunique traditionnelle à 4 pans (áo tứ thân) ou avec Áo dài. Coiffée de ce chapeau, les Vietnamiennes deviennent plus douces, plus élégantes et plus sensibles. On le porte pour aller aux travaux champêtres, au marché ou pour participer à des fêtes. Dans les spectacles, la danse aux chapeaux coniques avec le Áo dài rehausse la douceur, la féminité et la grâce des Vietnamiennes. Presque tous les Vietnamiens se sentent proches et éprouvent un profond attachement envers le nón lá, emblématique de leur culture. ■

Nón lá Việt Nam

■ **Sưu Tâm**

Nón Việt Nam có lịch sử rất lâu đời. Hình ảnh tiên thân của chiếc nón đã được chạm khắc trên trống đồng Ngọc Lũ, trên tháp đồng Đào Thịnh vào khoảng 2500 - 3000 năm về trước. Từ xa xưa, nón đã hiện diện trong đời sống thường ngày của người Việt Nam, qua nhiều chuyện kể và tiểu thuyết.

Chiếc nón lá Việt Nam là một phần cuộc sống của người Việt Nam. Nó là người bạn thủy chung của những con người lao động một nắng hai sương. Trên đường xa nắng gắt hay trong những phút nghỉ ngơi khi làm ruộng, ngồi bên rặng tre, cô gái có thể dùng nón quạt cho ráo mồ hôi. Trong nghệ thuật, tiết mục múa nón của các cô gái với chiếc áo dài duyên dáng diễn tả tính dịu dàng, mềm mại và kín đáo của người phụ nữ Việt Nam.

Chiếc nón lá chính là biểu tượng của Việt Nam, là đồ vật truyền thống và phổ biến trên khắp mọi miền đất nước. Nếu ở một nơi xa xôi nào đó không phải trên đất nước Việt Nam, bạn bỗng thấy chiếc nón lá, đó chính là chính hiệu Việt Nam. Chiếc Nón cùng với áo dài, áo cánh, váy lĩnh, yếm đào, thắt lưng bao... chiếc nón được coi là một thứ trang phục truyền thống của phụ nữ Việt Nam.

Trước hết, nón là một đồ dùng rất « thực dụng ». Nó dùng để che mưa nắng. Nón chóp nhọn đầu, nón thúng rộng vành, nón ba tầm như nón thúng nhưng mảnh dẻ hơn... tất cả đều để che chắn cho những con người sống trên một dải đất nắng lắm mưa nhiều. Dù nón có nhiều loại, song nét đặc thù chung của nó là rộng vành (để chống nóng) và có mái dốc (để thoát nước nhanh, che mưa). Ngoài chức năng ứng phó với môi trường tự nhiên, chiếc nón còn hướng tới mục đích làm đẹp cho con người và phù hợp với cảm quan thẩm mỹ của người Việt : đẹp một cách tế nhị, kín đáo. Dưới vành nón, đôi mắt, nụ cười, lúm đồng tiền, những sợi tóc mai, cái gáy trắng ngần của cô gái dường như được tôn thêm nét duyên dáng, kín đáo mà không kém phần quyến rũ... Người ta đội nón làm đồng, đi chợ, chơi hội. Tiễn cô gái về nhà chồng, bà mẹ đặt vào tay con chiếc nón thay cho bao nhiêu lời nhắn gửi yêu thương... Chiếc nón gợi nguồn cảm hứng cho thơ, cho nhạc. Đã có nhiều bài hát về nón: «Nón bài thơ, em đội nón bài thơ, đi đón Trong những năm chiến tranh, tiễn người yêu ra chiến trường, các cô gái thường đội nón với cái quai màu tím thùy chung. Chỉ như vậy thôi đã hơn mọi lời thề non, hẹn biển, làm yên lòng người ra trận... Chiếc nón xuất hiện từ khi nào không ai biết. Từ thời xưa đã có câu : « Nón chuông,

khua lụa, quai thao làng Đơ». Chiếc nón quai thao đã được các bà, các cô (tầng lớp trung lưu trở lên) ưa chuộng, chiếm vị trí quan trọng trong trang phục lễ hội của phụ nữ mà thời Nguyễn được sử dụng phổ biến nhất. Ở Hà Nội xưa, các « cô à » mười lăm, mười sáu, cái tuổi bắt đầu làm duyên, thường đi sắm chiếc nón Nghệ.

Về cái nón Nghệ, một nhà văn đã mô tả kỹ lưỡng thế này: «nón rộng đến 80 cm, sâu 10 cm, lần lót đan bằng sợi tre rất nhỏ, đằng sau cài những mảnh gương vào. Nón Nghệ nặng lắm vì thế, cái « khua » phải cứng, sơn quang dầu. Lên Hàng Bạc sắm một bộ « chiên, thê ».

Chiên là miếng bạc vuông, trong đó có vòng tròn, chạm hai rồng chầu mặt nguyệt. Hai chiếc thê cũng bằng bạc, to như quân bài tam cúc, chạm hoa lá, ở giữa có cái vòng để buộc quai thao. Cắm hai cái thê vào bên trong nón, đặt cái chiên vào



đáy khua, rồi chờ phiên chợ hàng tơ, các bà làng Triều Khúc ra bán quai thao. Một bộ quai thao gồm tám sợi bằng tơ, mỗi sợi gồm nhiều sợi tơ, ngoài bọc tơ dệt liên tục, như bắc đèn con. Quai thao dài độ 1,5m. Hai đầu mỗi sợi thao là một quả găng, từ đó rủ xuống những chỉ tơ, dài độ 20 cm. Phải đưa thao một đi nhuộm thâm, nhuộm kỹ». Chỉ như thế cũng đủ biết chiếc nón được làm công phu đến mức nào. Về cái quai thao của nón cũng rất nhiều chuyện thú vị. Có hẳn một làng giữ nghề làm thao. ấy là làng Triều Khúc (Thanh Trì - Hà Nội) nổi tiếng dệt quai thao nón dệt nên còn có tên là Làng Đơ Thao (để phân biệt với làng Đơ Bùi, Đơ Đồng cũng ở gần đấy, chuyên nghề làm ruộng). Làng này còn có đền thờ, tượng, và sự tích tổ sư nghề Thao là Vũ úy, thời Lê - Trịnh (thế kỷ 17-18) được cử sang sứ Trung Hoa và học được nghề dệt Thao, khi về vua phong làm « Cục trưởng cục Thao » và tổ chức dạy nghề này cho dân làng Triều Khúc - Đơ Thao. Bây giờ người làng vẫn còn truyền tụng câu ca như một niềm tự hào :

« Làng tôi công nghệ đầu bằng
Là làng Triều Khúc ở gần Thanh Xuân
Quai thao dệt khéo vô ngần
Là nghề của Vũ sứ thần dạy cho...»

Thực ra, chiếc nón không hẳn là thứ phục trang chỉ dành cho phụ nữ. Bước chân vào một cửa hàng ở phố Hàng Nón - Hà Nội xưa, người ta có thể nhìn qua chiếc nón mà thấy đủ thứ « tước vị », « giai tầng » trong xã hội. Có nón « mũ chào », nón « nông dân xứ Đoài ». Các anh chạy xe ba gác thì kiếm một cái « nón cu li » « ba xu. Các cậu lính lệ, phục dịch cửa quan thì đã có « nón lính » làm bằng thanh tre ken lại, giống như cái đĩa úp lên đầu, trên có chòm đồng, sau có lưới vải che gáy. Mà trong « nón lính » lại còn có nón lính ma tà, rồi khổ đỏ, khổ xanh. Các bà ngồi chợ bao giờ vào hàng cũng tìm nón Nghệ, nón « nhị thôn », nón « ba tầng » treo đưng đưa trên mái nhà... Đây là các loại nón dành cho « dân đen » còn các « quan phụ mẫu » dùng kiểu khác : tổng lý ưa nón lông quạ, bông bèo đồng, các quan nhỏ chuộng nón chóp và bông bèo bạc, các cụ lớn thì dứt khoát phải nón lông trắng, bông bèo vàng. Các tao nhân nữ sĩ thì lung cho kỳ được nón dứa Huế, Gò Găng, nhẹ và thanh lẫm. Chiếc nón không chỉ là thứ đội đầu, che mưa, nắng. Trong khi dùng người ta còn « sáng tạo » ra bao nhiêu là công dụng. Này nhé : « Mùa nắng thì chụp lên đầu, có gió thì che diêm mà hút thuốc lào, mồi thì lót xuống ngồi, khát không có hàng nước thì hứng nước máy, lại còn lúc ngồi ngủ ở xe thì úp lên mặt cho ruồi khỏi bu lại, lúc nóng thì làm quạt... mà tưng nữa thì làm cái rổ đựng đồ mua chợ cho mẹ...»

« Nói Với Chiếc Nón Bài Thơ

Ai ra xứ Huế mộng mơ

Về đem chiếc nón bài thơ làm quà

Vành vành vàng trắng chiếc nón ngừa anh căm

Trên mặt lá mịn màng hương tóc ấy

Có ai đề câu thơ nào chưa vậy ?

Mà bên cầu em cứ đứng vãn về

Buổi quen nhau anh định nói câu gì

(Mà không dám)

Mai em về ngoài nó

Dòng sông Hương dịu dàng con sóng nhỏ

Đừng quên miền Nam ngọn sóng biển âm ì

Giờ chia tay em vội vội vàng vàng

Như chàng trai trong ca dao anh chẳng chịu

Quai nón lụa thơm lừng anh khế nít

Chứ ai đi nít vạt áo bao giờ

Ôi chiếc nón bài thơ mà chưa có bài thơ

Xui anh nhắm trong lòng câu hát mãi

Vầng trăng kia đến rằm chưa có phải

Nên em cầm vành nón cứ nghiêng nghiêng

Năm năm rồi anh chẳng kịp trao duyên

Phút tiễn biệt mới hay mình nhất thế

Cô gái Huế chừ lại về với Huế

Biển lặng rồi anh gọi sóng lòng theo

Cuốn cuộn những vòng tròn thân yêu

Trên mái tóc những vầng trăng đang trốn

Vầng trăng chưa rằm, vầng trăng đang mười bốn

Nắng chưa phai sắc lá què nhà

Tà áo dài đôi lúc có thể xa

Chứ chiếc nón cách gì em rời bỏ

Chỉ tiếc những ngày cùng chung nhiệm sở

Biển giục anh, anh chẳng dám tỏ tình

Câu thơ tình thành thử vẫn còn nguyên

Trong trái tim thầy giáo người Nam Bộ

Phút tiễn biệt đã thành bài thơ nhỏ

Anh muốn đề, biết chiếc nón chịu không ? »

LÀNG NÓN PHÙ CAM

Nghề chằm nón là nghề thủ công truyền thống lâu đời ở Huế. Một trong những nơi nổi tiếng về nghề nón từ xưa đến nay là Phù Cam thuộc phường Phước Vĩnh, thành phố Huế. Từ thế kỷ XVII một cộng đồng giáo dân ở Phù Cam được hình thành, từ khi linh mục người Pháp là Langlois được điều về làm cha xứ ở Huế, đã lập ra giáo xứ Phù Cam năm 1680, quy tụ dân chúng theo đạo, phát triển và mở rộng nghề chằm nón. Nơi đây dần cho sống chủ yếu dựa vào nguồn thu nhập từ nghề này. Chiếc nón Huế là vật dụng phổ biến và bình dị dùng để đội đầu che mưa nắng, hình chóp gồm 16 vành được cấu tạo bằng các chất liệu chủ yếu là sản phẩm sẵn có ở núi đồi, những vùng lân cận quanh Huế như lá nón, tre, nứa.... Nó mang nét riêng khác với nhiều nơi, mỏng, nhẹ, thanh cảnh trông mềm mại, đẹp nhưng chắc bền bởi kỹ thuật chằm nón khéo léo tỉ mỉ và có kinh nghiệm của những người thợ. Nón được làm bằng hai lớp lá mỏng trắng. Nếu là nón bài thơ thường có các hình ảnh được cắt bằng giấy lót lồng vào giữa hai lớp lá như hình Cầu Tràng Tiền, Chùa Linh Mục, Núi Ngự Bình hay con đò trên Sông Hương tạo nên cảnh sắc thơ mộng. Nón bài thơ là sản phẩm đặc trưng nổi tiếng ở riêng Huế. Nó không chỉ đơn thuần là vật đội đầu mà còn là vật để làm duyên, trang điểm thêm cho vẻ đẹp dịu dàng, đáng yêu của những cô gái Huế. Vì vậy nó đi vào thơ ca của nhiều thi sĩ. Nón Huế hiện nay có mặt trên các thị trường không chỉ ở Huế mà còn ở một số địa phương miền Trung và được nhiều du khách trong nước, quốc tế ưa chuộng. Khi đến Huế họ vẫn không quên mua chiếc nón bài thơ về làm kỷ niệm hoặc tặng bạn bè. ■



Quelques particularités de la culture vietnamienne

■ **Sưu Tâm**

NDLR : Le Vietnam est riche en traditions révolutionnaires. En même temps, il peut s'enorgueillir des 4.000 ans de son histoire. Par ailleurs la culture dongsonienne est symbolisée par des tambours de bronze qui marquent l'originalité du peuple vietnamien et qui sont hautement appréciés par le monde entier.

La culture vietnamienne a vu le jour près de mille ans avant Jésus Christ, à l'âge du bronze, avec la civilisation dongsonienne, connue plus couramment sous le nom de « culture de Đông Sơn ». Cette culture a vu le jour à la fin du néolithique. La culture du bronze est symbolisée par de très beaux tambours de bronze et par l'art d'un haut degré de perfection, avec lequel sont exécutées les membranes de ces tambours. Par la suite, cet art a continué à développer son originalité à travers les siècles. L'imposante culture chinoise a influé sur cette culture qui a su pourtant préserver son caractère singulier lui permettant en retour de conserver intacte sa personnalité propre et de se développer en culture nationale vietnamienne d'aujourd'hui.

Les recherches archéologiques du demi-siècle passé ont prouvé qu'à Lang Son, il y a les restes de l'homme anthropien (intermédiaire entre le Pithécantrophe et l'homme de Pékin). Ces découvertes ont démontré que le Vietnam a été l'un des berceaux de la civilisation mondiale. A cette époque reculée, nos ancêtres vivaient dans des grottes calcaires, à proximité des cours d'eau, puis progressaient peu à peu vers les moyennes régions.

Ces autochtones qu'étaient les ancêtres des Vietnamiens modernes ont très tôt connu la culture du riz inondé et une civilisation qu'on pourrait appeler « la civilisation du riz » qui se transmet de génération en génération.

FAMILLE, UN DES TROIS PILIERS

Un point important dans la culture vietnamienne s'avère la suivante : la structure de la société s'appuie sur trois éléments forts et solides : la famille (la maison), le village et la

nation. Depuis des temps immémoriaux, la famille reste la cellule, le noyau stable de la société, son unité inébranlable. Autrefois, le père était le chef de la famille. Il tenait entre ses mains les rênes de l'économie familiale. Il était le pontife dans la famille. L'autorité du père, correctement réalisée, constituait le pilier inébranlable de la prospérité de la famille, de la stabilité de la lignée dans l'honneur. Le village (la commune) est le noyau solide de la nation. Il y a bien une démocratie dans le village avec une assemblée élue par tous les habitants qui administre le village...

La loi du roi n'intervient que dans les affaires communes à tout le pays, exemple les impôts, le recrutement des soldats. La devise « la loi du royaume doit céder aux coutumes du village » a son origine profonde dans cette institution qui assure la durabilité de la nation. Le représentant de tout le pays était la cour, avec à sa tête le roi. La cour exerce son pouvoir d'administration sur tout le pays. Le roi gouverne et administre le royaume par l'intermédiaire des mandarins, suivant la devise : « Le roi gouverne le pays par la vertu ». Quand le roi manque à son devoir moral, le peuple a la possibilité de le faire remplacer. C'est la théorie du « gouvernement par la vertu ». Mais parfois, la cour doit s'allier au peuple pour détrôner les mauvais rois et les faire remplacer par des éclairés. Le Vietnam a eu de brillantes dynasties régnantes, comme celles des Lý, Trần, Lê (avant la période de partage et de guerre entre le Nord et le Sud), la dynastie des Tây Sơn...

Et depuis l'avènement de la dynastie des Lý (début du 11^e siècle), la culture du Đại Việt brille de jour en jour d'un bel éclat. De la culture dongsonienne à la culture Đại Việt, il y a un grand pas en avant, avec

les trois dynasties des Lý, Trần et Lê : élévation du niveau de l'instruction, développement intense des lettres, des arts et des sciences (particulièrement la science médicale et l'histoire). La société vietnamienne est régie par des lois ayant profondément le caractère national (Le Code Hồng Đức).

Une autre particularité de la culture vietnamienne s'avère le culte des ancêtres. Des érudits occidentaux trouvent que c'est là une religion. Mais la réalité est tout autre. Le culte des ancêtres est un aspect de l'humanisme vietnamien. Qu'est-ce que l'humanisme si ce n'est l'amour du prochain ? Le respect de l'homme ? Le culte des ancêtres, c'est le respect et la reconnaissance envers les générations antérieures qui ont donné naissance à la génération présente et la consolident.

Ce respect et cette reconnaissance ont établi des critères moraux pour la jeune génération. La tradition du culte des ancêtres est fortement enracinée dans l'âme du Vietnamien. Toutes les familles ont leur autel des ancêtres, et si la maison est assez grande, toute une pièce est réservée à cette fin. La tradition du culte des ancêtres chez les Vietnamiens a quelque chose de ressemblant au culte des Pénates, des dieux protecteurs de la famille, chez les anciens Romains (Voir la « Cité antique » de Fustel de Coulanges). De nos jours, la famille vietnamienne n'est plus une famille de plusieurs générations. Elle est devenue une famille individuelle et même une famille individualiste ; mais dans cette famille, le culte des ancêtres régit toujours.

A l'échelle du village et de la commune, c'est le culte du génie protecteur (thành hoàng) qui a eu le mérite de défricher la terre, de créer ou de défendre le village

...La structure de la société s'appuie sur trois éléments forts et solides : la famille (la maison), le village et la nation...



contre les envahisseurs étrangers ou contre les pillards. A l'échelle nationale, le culte est voué aux héros, sauveurs de la Patrie: beaucoup de localités ont élevé des temples pour assurer le culte des soeurs Trung, de Trần Hưng Đạo, de Lý Thuong Kiệt, de Ngô Quyền, de Quang Trung, etc. (tous héros de l'indépendance).

Le culte des héros au Vietnam nous fait penser à la «vénération des héros» de Carlyle. Mais au Vietnam, c'est la reconnaissance qui pénètre profondément « dans le sang et la chair » envers les créateurs et les défenseurs de la Patrie.

LA RELIGION AU VIETNAM

Avant tout, il faut mettre l'accent sur le «fond humanitaire des Vietnamiens. Depuis des siècles, le Vietnamien « aime son prochain comme il s'aime lui-même » ... Sur la base de cet humanisme intrinsèque, la religion vient se greffer et enrichit son âme. D'abord, il faut préciser que le Confucianisme n'est pas une religion, mais c'est une théorie sur l'organisation de la société (spécialement de la société féodale). Le Confucianisme a exercé une profonde influence sur le Vietnam depuis un millier d'années et contribué à exalter le nationalisme du Vietnamien dans la résistance aux invasions étrangères, dans l'édification et la défense nationales; mais, nous le répétons, le confucianisme n'est pas une religion. Le Bouddhisme, introduit au Vietnam depuis le deuxième siècle, a apporté au Vietnamien la conception « de l'existence et du néant », sur la vanité de la vie, tout en insistant sur la « compassion » entre mille espèces, la solidarité entre l'homme et la nature. C'est la religion bouddhique qui a laissé profondément son cachet dans l'âme du Vietnamien.

Le « Taoïsme » (Lao Tseu) est à la fois une philosophie et une religion. Il influe sur le Vietnamien, surtout au point de vue philosophique. Tandis que le Christianisme (qui est entré au Vietnam au 16^{ème} et le 17^{ème} siècle, et qui compte aujourd'hui quelques millions de fidèles), apporte avec lui la conception sur la destinée humaine en tant qu'unité indépendante et libre devant Dieu et devant l'Univers. Pour le Caodaïsme, le Brahmanisme, l'islam et autres..., il est à remarquer qu'au Vietnam, il n'y a pas de guer-

res de religion. Le Vietnamien pratique toujours l'esprit de tolérance.

PROFONDÉMENT VERT

Une autre particularité chez le Vietnamien : l'amour de la nature. Dans l'esprit du Vietnamien, le sentiment de la société égale celui de la nature. Ces deux sentiments s'interpénètrent dans l'âme du peuple vietnamien. Et c'est le sentiment de la nature qui est à l'origine de l'art de vivre en harmonie avec la nature et l'humanité. Et cela constitue la conception de l'art du Vietnamien à travers le temps : un exemple: l'architecture ancienne et traditionnelle du Vietnam consiste toujours en l'association de la nature environnante (cours d'eau, montagnes, végétation, roches...) avec les oeuvres architecturales de l'homme : la nature coopère avec l'homme pour former l'harmonie de son habitat (il en est de même des temples et des pagodes. Et même la vulgaire habitation où l'homme doit être placé dans l'harmonie des montagnes et des eaux).

Dans la littérature vietnamienne à travers les siècles (littérature populaire comme littérature académique), on trouve à profusion de riches et profondes impressions sur la nature, sur les créatures. C'est cela qui constitue le tréfonds de l'âme du Vietnamien à l'égard de la nature.

La langue vietnamienne (dans la famille des langues Môn-Khmères) que parle la majorité écrasante des Vietnamiens est une langue monosyllabique, à six accents et très musicale. Cette langue a été modernisée et est capable d'exprimer toutes les pensées et tous les sentiments du Vietnamien moderne. Dans l'enseignement supérieur, toutes les disciplines de sciences fondamentales et de sciences techniques (y compris la science atomique) sont dispensées en vietnamien. En vietnamien sont également enseignées les philosophies occidentales, orientales, anciennes comme modernes.

Les générations de Vietnamiens s'attachent d'une manière résolue à la langue nationale. Dans la culture vietnamienne, il est question d'une culture pluri-ethnique : plus de 30 ethnies minoritaires ont leurs propres civilisations et leurs arts.

RÉSOLUTIONNEMENT TERRE-À-TERRE

Parmi les particularités de la civilisation vietnamienne, il y a l'esprit du respect de la pratique (et non l'esprit pragmatique). La pensée du Vietnamien est très loin du mysticisme et n'est pas penchée vers la pensée métaphysique. Cela est nettement défini par l'histoire et la géographie du pays, par son peuple. Nos pères (et nous-mêmes) ne sommes pas assez « libéraux » pour nous payer ce luxe de pensées mystiques et métaphysiques.

C'est l'esprit du respect de la pratique et de s'en tenir à la pratique de la vie qui nous ont aidés -nos pères et nous-mêmes- à tenir ferme sur cette terre (qui est très souvent sujette aux crues naturelles et aux crues des invasions étrangères qui menacent de nous entraîner vers la Mer Orientale). La culture vietnamienne porte en elle le « respect de la raison et de la lutte pour la raison, l'esprit esthétique et la possibilité de créer le beau ». Parmi ces traditions culturelles, il a en a une qui traverse toute la civilisation et toute l'histoire du Vietnam comme un fil rouge, c'est la haine contre les envahisseurs étrangers et l'incompatibilité dans le combat contre ces ennemis (de quelque envergure que ce soit). Mais ce qui est étrange, c'est que le Vietnamien n'a jamais l'esprit xénophobe malgré les nombreuses invasions étrangères au cours de l'histoire. N'est-ce la configuration de notre pays baigné par deux océans (le Pacifique et l'Indien) qui l'habitue à respirer le vent du large, qui lui donne une âme largement ouverte ? N'est-ce pas sa situation sur la croisée de trois chemins du monde qui a déterminé le Vietnamien au respect des échanges et des interférences culturelles ? ■



La fête de Vu Lan ou la fête du Pardon des Trépassés

■ HTTN

La fête bouddhiste de Vu Lan, traditionnellement considérée comme un événement important dans l'éloge de l'amour maternel, est devenue extrêmement populaire. Elle est étroitement liée à la tradition asiatique du culte des ancêtres et de la piété filiale. La fête de Vu Lan, aussi connue comme l'Amnistie des Esprits Troublés, est tenue lors du septième mois du calendrier lunaire, considéré comme le mois des esprits.

Cette tradition consiste pour les personnes- bouddhistes ou non- qui souhaitent exprimer leur gratitude et admiration envers leurs mères, de manger végétarien, d'aller à la pagode, le plus souvent en portant une rose. Des milliers de personnes se massent dans les pagodes avec des roses rouges si leurs parents sont en vie, ou roses blanches s'ils sont décédés. Lors de la cérémonie, on fait des offrandes pour libérer jusqu'à sept générations d'ancêtres, des malheurs qu'elles ont pu endurer. Pendant ce mois, chaque famille peut choisir un jour pour festoyer et brûler du papier et des bâtons d'encens devant la maison, afin d'inviter les esprits à manger. La particularité de cette cérémonie est « la saisie des offrandes ». Quand l'encens a brûlé, on autorise les enfants du voisinage à prendre la nourriture. Personne ne les en empêche car on croit que les esprits pourraient s'en offusquer. La cérémonie est aussi une occasion pour les gens, d'exprimer leur gratitude envers leurs parents.

Le point de vue moderne

Même si de nos jours, les jeunes vivent plus vite et s'éloignent des valeurs traditionnelles, ils respectent et aiment toujours profondément leurs parents. La fête n'est plus exclusivement réservée aux bouddhistes, elle est l'occasion pour tous, d'exprimer l'amour aux parents. Ce trait culturel ne s'est pas terni avec le temps mais il s'est diversifié. Tandis que les occidentaux sont fiers de leur fête des mères, les vietnamiens sont très attachés à leur fête du septième mois lunaire en général, et au jour de Vu Lan en particulier, car il est l'occasion de rendre hommage à ceux qu'ils aiment, chez les morts comme chez les vivants.

Et la légende raconte que...

Il était une fois une dame méchante au nom de Thanh De. Elle était impitoyable envers les pauvres et surtout envers les mendiants. Elle ne faisait jamais aumône et chassait tout mendiant qui se présentait au portail de sa maison. Elle n'hésitait pas à piétiner des grains de riz, recueillis par les pauvres paysans s'échinant à longueur d'année sur leurs terres. Elle se moquait des bonzes et

des bonzesses en cherchant à rompre leur quiétude. Elle blasphémait Bouddha, méprisait les esprits et offrait à la pagode des victuailles de jeûne auxquelles elle avait mêlé des aliments carnés.

Malgré les conseils de son fils Muc Kiên Liên qui fut un bonze de haute vertu, elle ne l'écoutait guère. A sa mort, elle rejoignit le Royaume des Morts et dut payer ses fautes commises dans le monde des vivants : s'asseoir sur un lit à clous, porter sur la tête un seau rempli de sang, rester affamée et assoiffée car tout aliment qu'on lui mettait dans sa bouche se fondait en sang et se muait en flamme. Muc Kiên Liên, une fois l'illumination atteinte, put descendre dans le Royaume des Morts pour voir sa mère. Il fut témoin des châtiments qu'elle encourut. Il ne put rien pour changer le cours justicier du décret céleste et ne put pas non plus se substituer à sa mère. Il fut obligé d'aller voir Bouddha et demanda grâce à ce dernier. Celui-ci lui ordonna d'organiser au 15^{ème} jour du 7^{ème} mois lunaire, la cérémonie de Vu Lan, au cours de laquelle il pourrait solliciter la remise de peine pour sa mère avec les prières et l'aumône.

De retour sur terre, Muc Kiên Liên, le jour venu, dressa un autel en hommage à Bouddha tout en faisant aumône et cérémonie bien austère et fervente. Thanh De, dans le Royaume des Morts, prit conscience de la souffrance comme elle fut sensible à la faim et à la soif. Les difficultés qu'elle rencontrait l'amenaient à se départir au fur et à mesure de sa nature méchante et à connaître le remords. La piété de Muc Kiên Liên remua la porte du Ciel. Le père céleste réexamina le cas de Thanh De, constata qu'elle avait pu se repentir et l'acquitta. Il fut permis à Muc Kiên Liên de descendre dans l'enfer ramener sa mère à la vie. Depuis lors, Thanh De, de tout coeur, honora Bouddha, respecta les bonzes, secourut les pauvres.

En s'inspirant de cet exemple, les enfants pieux, selon la coutume vietnamienne, au 15^{ème} jour du 7^{ème} mois lunaire, érigent un autel à la mémoire des défunts et font aumône aux pauvres. ■

La fête de Vu Lan, aussi connue comme l'Amnistie des Esprits Troublés



Tháng Bảy, mùa Vu lan báo hiếu (ngày 15/7 âm lịch hàng năm)

Không biết tự bao giờ, một truyền thuyết của nhà Phật đã « hóa thân « trở thành một mỹ tục trong đời sống văn hóa của người Việt Nam. Để rồi mỗi năm chúng ta lại có một ngày Vu lan - ngày báo hiếu với cha mẹ, ông bà, tổ tiên.

Truyền thuyết nhà Phật kể rằng, xưa kia ông La Bộc đi theo Đức Phật, tu hành đắc đạo, trở thành Bồ tát Mục Kiền Liên - một trong các đệ tử thân tín của Đức Phật. Vì mẹ đã qua đời nên Mục Kiền Liên luôn mang niềm thương nhớ. Ông dùng « mắt thần » tìm kiếm bốn phương, thấy mẹ đang ở trong « cõi quỷ » bị hành hạ khổ cực vì khi còn sống bà từng gây tội lỗi. Mục Kiền Liên thương mẹ, ông xuống « cõi quỷ » đưa mẹ bát cơm mà mẹ lại không được ăn. Ông trở về hỏi Đức Phật. Nghe vậy, Đức Phật bảo chỉ có một cách là hợp sức cùng mọi người. Rồi ngài thuyết kinh Vu lan khuyên đến ngày rằm tháng bảy, Mục Kiền Liên cùng mọi người cúng lễ sao thật thành tâm thì sẽ cứu được mẹ. Đức Phật còn bảo chúng sinh muốn báo hiếu với cha mẹ thì theo cách đó mà làm. Mục Kiền Liên làm theo

lời Phật, cứu được mẹ. Có lẽ từ truyền thuyết này mà hình thành nên lễ Vu lan.

Và hằng năm đến mùa Vu lan, nhằm đúng ngày rằm tháng bảy, mọi người lại cùng nhau bày tỏ tình cảm, lòng tri ân đối với ơn cha mẹ, ơn ông bà, tổ tiên bằng cách cúng vàng mã, ăn chay «Tu đâu cho bằng tu nhà Thờ cha, kính mẹ ấy là chân tu»

Bao đời nay, Vu lan trở thành một ứng xử nhân văn trong xã hội, góp phần duy trì và củng cố đạo lý trong gia đình, trong dòng tộc mọi người đề cao chữ hiếu để nhắc nhở đạo làm con. Hơn thế nữa, chữ hiếu trở thành một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá con người.

"...Nếu anh còn mẹ, anh sẽ được cài một bông hoa màu hồng trên áo, và anh sẽ tự hào được còn mẹ. Còn nếu anh mất mẹ, anh sẽ được cài trên áo một bông hoa trắng. Người được hoa trắng sẽ thấy xót xa, nhớ thương không quên mẹ, dù người đã khuất. Người được hoa hồng sẽ thấy sung sướng nhớ rằng mình còn mẹ, và sẽ cố gắng để làm vui lòng mẹ, kéo một mai người khuất núi có khóc than cũng không còn kịp nữa....".

Trên một ý nghĩa rộng hơn, Vu lan không những dành cho chữ hiếu, mà còn là ngày « xá tội vong nhân », như chúng ta vẫn nói đến câu :

« Tháng bảy ngày rằm xá tội vong nhân »

Xưa kia cha ông quan niệm rằng, sống ở trong cuộc đời không phải ai ai mất đi cũng có người thân cúng giỗ. Có người mất đi vì không may gặp phải chiến tranh, thiên tai, dịch bệnh. Lại có người làm điều ác, khi qua đời trở thành « cô hồn », không ai cúng tế. Đặt sang một bên quan niệm của một thời về « hai thế giới », chúng ta nhận ra ở đây một yếu tố quan trọng làm nên truyền thống văn hóa của dân tộc là lòng nhân ái bao dung. « Xá tội vong nhân » vừa là tình cảm dành cho người không may mắn, vừa thể hiện lòng vị tha với người từng có hành vi xấu xa đối với đồng loại.

Và phải nói rằng, chính những điều này đã góp phần duy trì nền tảng đạo đức của xã hội Việt Nam truyền thống. ■

Bao đời nay, Vu lan trở thành một ứng xử nhân văn trong xã hội, góp phần duy trì và củng cố đạo lý trong gia đình, trong dòng tộc mọi người đề cao chữ hiếu để nhắc nhở đạo làm con.



Les livres à découvrir cet été

HTTN

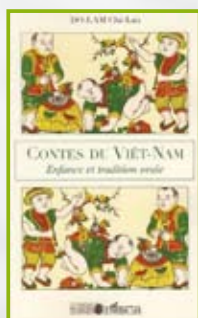


BIOGRAPHIE

Seul prix Nobel emprisonné à ce jour et symbole de la lutte pour la démocratie en Birmanie, « la Dame de Rangoon » est devenue une figure emblématique de tous les combats pour la défense des droits de l'homme dans le monde.

Mais qui connaît vraiment l'histoire de cette « Mandela asiatique » de soixante et un ans, assignée à résidence par la dictature militaire pendant plus de onze ans au cours de ces dix-sept dernières années et dont la vie est aujourd'hui sérieusement menacée ? Grâce à des témoignages récents, exclusifs et souvent inédits de ses proches, ce livre raconte l'histoire d'une femme exceptionnelle inspirée par Gandhi, qui a toujours opté pour la résistance non-violente contre la barbarie. Une biographie destinée à sensibiliser l'opinion internationale sur les violations répétées des droits de l'homme en Birmanie et sur la situation de plus en plus préoccupante de la prisonnière politique la plus célèbre au monde. De nationalité belge, Thierry Falise est grand reporter. Il vit à Bangkok et couvre l'Asie du Sud-Est depuis 20 ans. Il a notamment passé de nombreux mois clandestinement en Birmanie où il a interviewé et photographié Aung San Suu Kyi.

■ **Aung San Suu Kyi : Le jasmin ou la lune de Thierry Falise (Préface De Jane Birkin) (Ed. J'ai lu, Paris)**



CONTES

Les contes populaires de la tradition orale du Viêt-Nam présentés dans ce livre évoquent l'enfant et son rapport à la parole dite et chantée. Leur rapprochement avec les littératures du monde met en évidence les invariants symboliques

véhiculés par le récit : la quête du héros pour combler un manque initial, l'aide providentielle, le merveilleux, les vertus de solidarité et de persévérance, la poursuite des mêmes soucis et espoirs - manger à sa faim, trouver sa place au sein de la communauté, servir dignement son pays... Ce volume achève la trilogie entamée par « La mère et l'enfant dans le Viêt-Nam d'autrefois » (L'Harmattan, 1998) et « Chants et jeux traditionnels de l'enfance au Viêt-Nam » (L'Harmattan, 2002).

■ **Contes du Viêt-Nam - Enfance et tradition orale de Do Lam Chi Lan (Ed. Harmattan)**



DOCUMENT

L'histoire des journaux en France en 40 portraits. Quand Henri Desgrange bat en 1893 un record à vélo sur une piste parisienne, qui aurait pu croire qu'il allait créer le Tour de France

et lancer ce qui deviendrait L'Equipe ? Au soir du 22 juin 1963, Daniel Filipacchi appelle les auditeurs de « Salut les Copains » à se rassembler, 150 000 jeunes déferlent place de la Nation pour applaudir Johnny Halliday et les nouvelles idoles yéyé. Qui se doutait alors que le même enthousiasme lui permettrait de relancer Paris-Match et ELLE, ou de créer Playboy France ? Qui imaginerait aujourd'hui raconter Libération sans parler de Serge July ? Ou retracer l'histoire du Monde sans évoquer celle d'Hubert Beuve-Méry ? Voici quelques-unes des 40 figures que ce livre profondément original nous fait découvrir. Ses auteurs, eux-mêmes journalistes et historiens, nous plongent dans le récit haletant de 40 destins étonnants, 40 parcours d'hommes et de femmes hors normes dont l'action a forgé le journalisme moderne. De la Gazette de Théophraste Renaudot en 1631, au 20 minutes de Frédéric Filloux, à travers ces étonnantes aventures humaines, jonchées d'échecs et de réussites, ils nous font revivre, avec pour toile de fond les bouleversements du siècle, l'histoire, trop souvent méconnue, de la presse.

■ **Ils ont fait la presse de Yves Agnès et Patrick Eveno (Ed. Vuibert)**



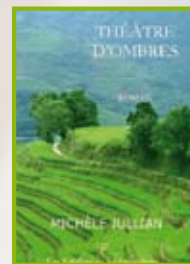
VOYAGE

De la dizaine d'années qu'il a passées en Chine, ce jeune trentenaire ramène ce beau récit dont le fil rouge est une traversée de l'empire du Milieu, d'est en ouest, à bord d'un side-car en compagnie d'un ami français. Photographe

et reporter, Constantin de Slizewicz ne se livre pas ici à un exercice journalistique, mais propose une rencontre littéraire, historique et poétique avec la Chine réelle. À Pékin, il lui revient que le visage d'une ville change plus vite que le cœur d'un mortel tandis que son portrait amoureux du Tibet déjoue les lieux communs occidentaux. Voici le souvenir des marins français naviguant sur le Yang Tsé Kiang et des dérives nocturnes évoquant celles du Singe en hiver de Blondin. Érudit et truculent, Ivre de Chine dévoile les perma-

nences et les mutations d'un pays à l'avenir imprévisible tout en nous invitant à prendre l'air du large, à laisser « nos rêves s'emparer du sanglot de nos cœurs ».

■ **Ivre de Chine de Constantin de Slizewicz, (Ed. Perrin)**



ROMAN

Au lendemain du décès de son père, figure célèbre de la scène parisienne, Marie apprend qu'elle a un demi-frère en Thaïlande. Avec sa connaissance du thaï pour tout bagage, elle part à la recherche du bébé et de sa mère, une femme d'origine Karen.

Quête en forme de roman d'aventures et de règlement de compte avec un père à l'écrasante personnalité, sur fond de crises politiques marquées par la révolte des « chemises jaunes » et des « chemises rouges » de Bangkok. Plongée dans le contexte Occident/Orient, engendré par les rapports conquérants de la mondialisation d'aujourd'hui. Itinéraire d'une vie, celui de Marie, qui – comme sa mère Florence trente ans plus tôt – sera une « femme à la croisée des cultures ».

■ **Théâtre d'ombres de Michèle Jullian (Ed. La Frémillierie)**



LITTÉRATURE

Un recueil directement écrit en français où l'auteur réussit le tour de force de nous restituer des récits populaires vietnamiens, dont le plus connu auprès du public occidental, « L'arbalète surnaturelle », en restant fidèle

au texte (dans la mesure où le permet une transmission surtout orale) et à l'esprit. Parfois même le sens caché du texte est explicité, discuté, mis en situation.

Seul le style de Pham Duy Khiêm, un art du naturel, peut donner cet accès privilégié au fonds millénaire d'un peuple, des références spirituelles qui baignent encore aujourd'hui d'une façon quotidienne la vie des Vietnamiens. Une opportunité unique de mieux connaître ce pays et ses racines, à nouveau disponible.

■ **Les légendes des terres sereines de Pham-Duy Khiêm (Ed. La Frémillierie)**



VOYAGE

Un guide didactique et documenté qui nous fait comprendre le confucianisme, l'évolution de la famille vietnamienne, les rapports culturels entre la France et le Viêt-Nam, des points essentiels pour aborder le passé et le

présent de ce pays.

■ **Viêt-Nam : un voyage dans son histoire de Nguyễn Thê Anh (Ed. La Frémillierie)**



ROMAN

Anna Moï raconte une existence pleine d'imprévu dans un pays où rien ne fonctionne comme ailleurs, où chacun invente sa vie entre tragédie et humour. Ses nouvelles sont des instantanés de charme, écrits avec pudeur et humour. «

Dans ces fragments de vie tragi-comiques, écrits en français, Anna Moï raconte avec humour son Viet-nam... Pour oublier la peur et la mort, une seule solution : vivre dans un pays en paix. »

■ **L'écho des rizières de Anna Moï (Ed. L'aube poche)**



ROMAN

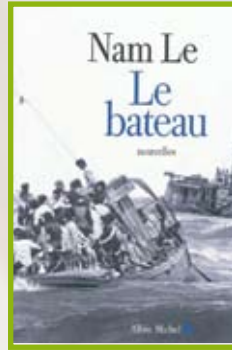
Anna Song, " la plus grande pianiste vivante dont personne n'a jamais entendu parler ", laisse derrière elle une oeuvre discographique sans précédent. Malgré la maladie, et dans un engagement du corps et de l'âme proche de la ferveur, elle a voué ses dernières

années à arpenter, avec une indéfectible justesse, un territoire musical des plus vastes. Gardien du temple et architecte de la légende : Paul Desroches, son mari et producteur. Mais tandis que celui-ci raconte la femme aimée, de l'émerveillement enfantin aux patientes années d'une vie partagée dans une sorte de culte de la beauté, le scandale éclate. Anna Song n'aurait pas enregistré une seule note de sa discographie, pillée ailleurs par l'amoureux démiurge. Imposture, falsification, trahison : au concert de louanges nécrologiques succède le tapage de l'opprobre, relayé par des médias d'autant plus féroces que bernés.

C'est un fascinant jeu de miroirs qu'orchestre ici Minh Tran Huy dans un deuxième roman qui confirme l'avènement d'un univers d'une impressionnante cohérence. Où l'on retrouve l'omniprésente absence du pays des origines, le Viêt-nam, dont la réalité floutée par le temps et l'éloignement s'enracine dans un silence peuplé de contes. Et aussi cette petite

musique envoûtante, cette opacité impavide plus généreuse qu'elle ne s'affiche, qui évoque irrésistiblement les eaux calmes d'un lac, sous lesquelles se jouent – et demeurent – les plus violentes tragédies. Tombeau du premier, du grand, de l'unique amour, entre ode et plaidoyer, La Double Vie d'Anna Song révèle et défend la folie d'aimer, mais aussi le droit à inventer des vies à la hauteur de cette folie.

■ **La double vie d'Anna Song de Minh Tran Huy (Ed. Actes sud)**



ROMAN

Dans Le Bateau, l'Australien Nam Lê évoque sept destins fragiles avec la délicatesse d'un peintre des âmes. Un premier recueil remarquable.

Le bateau dont il est question dans ce livre fut celui du dernier espoir :

Nam Lê n'avait que quelques mois lorsque, en 1979, il grimpa avec ses parents sur un rafiote de fortune pour fuir le Vietnam communiste, comme des milliers d'autres boat people. Réfugié à Melbourne, Nam Lê y est devenu avocat, avant de mettre le cap sur l'Amérique, où il apprit à défendre une autre cause - celle de la littérature - dans un atelier d'écriture de l'Iowa.

Coup d'essai, coup de maître : les sept nouvelles réunies dans Le Bateau sont tout simplement remarquables. Parce qu'elles épousent toute la palette des émotions, à fleur de peau, à fleur de mots. Et parce qu'elles ne sombrent jamais dans la répétition : si Nam Lê évoque dans deux de ses récits la tragédie de son peuple et de sa famille, à l'époque de l'exode vietnamien, il est aussi capable de changer de registre avec une agilité de funambule. Pour donner la parole à un jeune sicario, un tueur à gages recruté dans la fange d'un barrio de Medellín. Pour mettre en scène une résistante iranienne traquée par les barbus de Téhéran. Pour recueillir les confidences d'un lycéen australien qui s'apprête à affronter son rival à coups de poings, pendant que sa mère agonise. Ou pour se glisser dans la peau d'une gamine d'Hiroshima qui, à la fin de la Seconde Guerre mondiale, scrute le ciel où se profilent de funestes silhouettes - celles des bombardiers américains.

D'une nouvelle à l'autre, Nam Lê dessine au fusain des destins précaires, fragiles, prêts à se fracasser à la croisée de chemins où rôdent la violence, la peur, la solitude, la mort. Sa voix ne sacrifie jamais au pathos, parce qu'il la maîtrise avec panache. Une révélation.

■ **Le Bateau de Nam Lê (Ed Albin Michel)**



ANTHOLOGIE

San Francisco est un peu l'antithèse de Los Angeles. Mosaïque de populations, cette cité symbolise depuis les années 1960 le départ vers une vie meilleure pour certaines minorités ethniques et sexuelles. Elle incarne la diversité

culturelle et la tolérance. La ville s'est étendue sur ses collines abruptes aux rues en pente, devenues célèbres au cinéma. Multi-forme, elle recèle de nombreux quartiers pittoresques : Chinatown, l'enclave latine de la Mission, ou encore le quartier gay du Castro, et des sites fameux comme le pont rouge du Golden Gate ou Alcatraz, l'île-prison.

Un site naturel exceptionnel, une taille humaine, de nombreux parcs et musées, et des rues où l'on peut marcher sans que cela semble suspect... Les Américains ont surnommé San Francisco « la ville que tout le monde préfère ». A découvrir en compagnie de Jack Kerouac, Blaise Cendrars, Jack London, Jean Cocteau, Frédéric Beigbeder, Dashiell Hammett, Philippe Labro, Bernard-Henri Lévy, Tom Wolfe, Yves Berger, George Lucas, Yvonne Baby et bien d'autres...

■ **Le Goût de San Francisco de Jean-Claude Lamy (Ed. Mercure de France)**

BIOGRAPHIE

Le 17 avril 1975, c'est la victoire des Khmers Rouges. La population est déportée vers la zone « occupée ». Le pouvoir révolutionnaire transformera le Cambodge, terre de beauté, pays du sourire, en terre de tragédie. En quelques mois une famille unie se trouve dispersée. Il ne reste que les femmes - la mère et cinq filles - et un fils adolescent. Ces femmes sont au seuil de la mort. Elles rassemblent le peu de force qui leur reste pour s'évader et sauver leur vie. Maly Chhuor s'engage à décrire le calvaire de tous ceux qui sont déportés. C'est le serment.

■ **Le Serment - Récit d'une Cambodgienne rescapée de Maly Chhuor (Préface de Simone Veil) (Ed. l'Harmattan)**



ROMAN

Hanoi, Indochine coloniale en 1910 : la dure réalité d'une époque, le choc des cultures. Un polar historique qui rappelle les bienfaits et méfaits de la France en Extrême-Orient. La ville de Hanoi, Vietnam, fête en 2010 son millénaire. SOUPE TONKINOISE déroule un récit d'aventures et de passion, de

vengeance et de folie dans cette ville magnifique il y a tout juste 100 ans.

■ **Soupe Tonkinoise de Jan Thirion (Ed. TME, Collec. noire d'Histoire)**



tranches de vie

A tous, membres d'HTTN et amis un très bel été pour une rentrée riche en activités qui vous attend.

■ HTTN



Naissance

Nous avons le plaisir de vous présenter un nouveau membre httniste : Naissance de Lan-Nhi Olivia Bui née le 14 juillet (bébé de Quang Hưng et Mylène). Voilà, désormais la France entière va fêter son anniversaire chaque année



Diem Toan

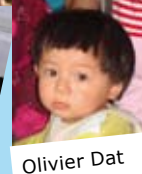


Yakusa



Tru

Coco



Olivier Dat

Anniversaires

Nous avons fêté au mois de juillet les anniversaires de Mister Jambon (Tru), la Prez Coco (Bach Liên), les 20 ans de Yakusa, les 17 ans de Khôi, les 6 ans de Diem Toàn, les 2 ans de Olivier Đạt ...Et prochainement fin août un an de plus pour Céline « Etoile de nuit » et Thiên Kim.



Nam

Kim

BAC 2010

HTTN est fière de nos JRS fraîchement bacheliers avec mention, s'il vous plaît ! BRAVO à Nam (Yakusa), Kim, et Thảo



Un bon rétablissement à Lan Anh qui a eu la varicelle ainsi qu'à Bắc Tường, grand-père de Hoàng Ngâu qui s'est cassé une jambe.



HTTN partage la fatigue de Trac Viet et Thu qui ont failli être une nouvelle fois « boat people » car leur maison a été inondée suite à la dernière pluie torrentielle.

Chi 5 alias Number Five est de retour en France pour les vacances mais où est elle passée ?!

Un ami de Lausanne - Anh Lê Kim Lưc s'en est allé vers d'autres cieux. Il sera difficile de combler ce vide. Nos sincères condoléances à sa famille.



Un Nouveau design pour le blog HTTN

Les années passent sans que notre « Espace de communication - le Blog » ne prenne une ride mais HTTN souhaite quand même lui donner un nouveau design. Ainsi Valérie a prêté main forte pour cette mission : Relooker le Blog HTTN. Vous connaissez Valérie, chanteuse, danseuse, elle est aussi douée en « décoratrice d'intérieur... blog ». Dorénavant, Valérie sera en charge de la com. sur FB et Blog HTTN. Par ailleurs, nous remercions tous les amis ou inconnus qui nous ont fait confiance pour diffuser leur annonce sur notre blog.



Tan



Châm Phuong, Marie-Emilie et Diem Thuong

Après les JRS (Jeunes Rebelles) un nouveau groupe s'est formé au sein de HTTN pour notre plus grand bonheur : « La Patate TEAM » dont Marie-Emilie, Châm Phuong et Diem Thuong. Leur amitié fait plaisir à voir mais elles passent trop de temps sur Facebook même si elles sont en face l'une de l'autre ! comme leurs mamans scotchées à leur écran (rire). Un clin d'œil à Tân qui s'intègre très bien dans HTTN et s'amuse comme un fou, enfin on l'espère !



Il était une fois... le camp d'été 2010 à Copenhague (Danemark)

■ Thiên Kim

Je m'étais jurée l'année dernière qu'on ne m'y reprendrait plus : j'avais déjà assez donné, avais assez eu la nausée ! Alors depuis plusieurs mois déjà, j'essayais de rassembler les troupes, de me faire remplacer auprès de nos jeunes mais ... JE ME SUIS FAIT ARNAQUER !!! Où étaient donc passées toutes nos troupes ???!!! Exit Viet, Tru, Hà, Ky Trang, Hâu, Nhu Mai, Dung !!!... Vous avez de la chance que je n'ai pas rendu mon dernier soupir au Danemark, vous l'auriez eu sur la conscience, je serais venue hanter vos nuits !... En tout cas, la " vieille " a survécu et s'en est même très bien sortie !

Cette année, notre délégation était forte de 15 personnes : Nam Yakusa, Khôi, Duc Quang, Lê Thi, Chan Nam, Kim, Hoang Ngau, Tân, Hiêu, Thao, Kinh Vinh, Thanh Mai, Thanh Van, Quang Nam (l'intrus, la pièce rapportée de Belgique !), et, bien sûr, moi-même.

Jour 1 : Lundi 2 août 2010

Le camp en lui-même débutant le 4 août, j'avais opté pour prendre un départ de Paris le lundi au soir afin que nous puissions visiter Copenhague dans la journée de mardi. Nous avons donc rendez-vous à 20 heures devant les guichets de Norwegian Airlines à l'aéroport d'Orly Sud et ... étions tous à l'heure (fait suffisamment rare pour que j'estime devoir le coucher noir sur blanc ! haha); Arrivés sur place, petite déception : nous serons tous séparés les uns des autres, chacun répartis chez plusieurs personnes : Chan Nam, Kim, Nam Yakusa et Duc Quang chez anh Toan ; Hiêu, Thao, Hoang Ngau et Lê Thi chez Mino ; Nam D., Tân, Khôi et moi-même chez la maman de anh Toan. Et ... il fait 18 ! Aglagla. Enfin, nous avons tous pu manger ensemble d'un mi goi chez anh Toan et sommes ensuite allés nous coucher car demain, visite de la ville à partir de 9 heures ! (Enfin, c'est ce qui avait été décidé ...)

Jour 2 : Mardi 3 août 2010

Juste avant de partir visiter la ville, anh Toan nous informe que les structures du camp ouvriront dès ce soir car plusieurs délégations sont déjà arrivées. Nous devons donc rentrer avant 20 heures maximum, ce qui

nous reste quelques heures pour visiter la ville ... mais ça sera largement suffisant : Copenhague se révélera bien trop chère pour nos moyens ! Sur place ... mauvaise surprise : la Petite Sirène a décidé de prendre des vacances pour se rendre à l'Exposition Universelle de Shanghai et nous n'aurons pas la chance de l'admirer. Heureusement que nous avons pu prendre des photos avec son père, Chris Andersen ! Euh ... pour les photos, joker : j'ai oublié mon appareil chez anh Toàn !... Merci les enfants de ne pas avoir la tête aussi vide que la mienne ! En fait, la visite la plus intéressante que nous ferons ce jour là sera 1/ le Burger King pour les jeunes et 2/ le Musée National car ... GRATUIT !!! Bien sûr, vous vous demandez surtout comment s'est passé notre installation au camp, s'il y avait des douches, des lits, des moustiques, ... bah, il y avait tout ça : 1 douche pour les garçons, deux douches pour les filles, quelques lits ... et autant de moustiques que vous voulez (voire même plus !) En tout cas, premier hurra des garçons : les chambres leur étaient allouées. Cette année, au tour des filles de dormir par terre ! Nous nous sommes rabattues sur la salle " dortoir " composée d'une pièce sous les combles, donc étouffante, (une seule petite fenêtre), avec plusieurs matelas au sol. Ça va être sympa ces trois jours ... Notre ami belge, Nam, lui, préférera dormir à la belle étoile avec ses amis les moustiques ... Mais en attendant que tout le monde arrive, prenne ses quartiers et s'installe, on sort les jeux de cartes bien sûr ! Car aucun système de transport de groupe n'est prévu. Anh Toan et KThanh vont passer la soirée et une grande partie de la nuit à ramener les uns de l'aéroport, les autres de la gare centrale ou du terminal des bus ... bref, à faire taxi ... Je ne sais pas combien d'heures KThanh aura dormi cette nuit là ! 2 heures ?... Encore merci en tout cas !

Jour 3 : Mercredi 4 août 2010

On nous avait dit la veille que nous avions quartier libre jusqu'à midi, heure d'ouverture officielle du camp, et que nous devions donc en profiter pour dormir. Alors, vous pouvez imaginer nos jeunes quand 1/ on est venu les réveiller un peu avant 10 heures et 2/ que les garçons ont été chassés des chambres pour laisser place aux filles : oui oui certaines se sont plaintes. Alors pour éviter la polémique parmi les filles, il a été décidé que





les chambres seraient pour elles et pour les personnes – disons d'un "certain âge" ... comme moi !... Quelle chance ! Pour ma part, je pense qu'il aurait été préférable que les personnes " âgées " prennent les chambres (puisque'il n'y en avait que 4), que les filles dorment dans la pièce initialement prévue pour elles, et que les garçons investissent la salle réfectoire. C'était en effet plutôt gênant de voir certaines personnes encore plus âgées que moi dormir sur des tables et cela obligeait d'éteindre les feux à minuit puisqu'il fallait les laisser dormir ...Enfin, le Comité Organisateur se présente, fixe les règles pour ces trois jours, et appelle les participants à rejoindre leurs équipes. Six équipes seront formées : Afrika , Ca Chon, The One, Viet Next Door, Eurasian et Hot Wheels. Les jeux peuvent commencer ! Woaw, je suis si heureuse à ne pas avoir à passer par là !!! Je vais même en profiter pour m'assoupir ... pendant qu'ils répèteront pendant des heures la danse des lanciers qu'ils devront produire demain soir ... Bilan de la première journée : Premier Doliprane pour Hiêu ! Mais, bon, apparemment, elle tient le coup et est assez contente de sa première journée.

Jour 4 : Jeudi 5 août 2010

Allez ! On se réveille ! Ce matin est un peu particulier : nous avons un atelier (workshop) de leadership, un programme développé pour nous donner plus d'assurance, plus de confiance en nous-mêmes, nous permettre d'appréhender la vie en groupe et de gérer les conflits et les challenges qui peuvent se présenter à nous tout au long de l'année : en effet, avant de commencer, notre animateur Huy nous demande si certains d'entre nous ont déjà participé aux événements tels que Têt, Têt Trung Thu, etc. Tout HTTN répond présent bien sûr ! JE les exhorte à répondre présent !!!!... Ce qui est vrai non ? Ca s'annonce être intéressant ... mais s'avèrera ... décevant pour nos jeunes : trop long ! La projection du film " The Life of My Dreams " d'un peu plus d'une heure (avec une coupure de dix minutes) les achèvera ! C'est dommage, Huy étant jeune, il aurait pu aborder ce sujet avec un peu plus de dynamisme. C'est ce qu'il fera en leur présentant deux jeux :

1/ La construction d'une tour en papier de 150 cm. Celle-ci doit pouvoir rester debout sans aucune aide extérieure. Matériel : feuilles de papier, papier journal,

scotch, pailles et gobelets plastiques.

2/ La construction d'une nacelle pour un œuf que les jeunes devront lancer du premier étage sans que l'œuf ne se casse. Matériel : feuilles de papier, papier journal, scotch, pailles, sac plastique, ballons de baudruche. Très peu réussiront l'épreuve du lancer d'œuf !

Malheureusement, les perdants devront ... nettoyer qui les toilettes de femmes, qui les toilettes des hommes, qui la salle commune ... C'est ça apprendre à vivre en société !... L'après-midi sera moins théorique ... mais tellement plus fatigant : grand parcours de jeu de piste tout autour du camp, ponctué de petits jeux permettant de gagner des points pour son équipe. Cette année, je n'ai pas à courir avec eux mais je ne pourrais même pas les suivre pour m'en féliciter ! On m'a en effet assignée à un poste " jeu " : chaque équipe arrivant à ma hauteur recevra un petit paquet contenant 30 petits ballons qu'ils devront gonfler en un minimum de temps. En tout cas, c'est beaucoup moins salissant que les autres jeux ponctuant le parcours – chercher un objet dans des poubelles de nourriture avariée ; ou moins sexy – se déshabiller pour "fabriquer" la plus grande ligne de vêtements ... Je n'ai pas pu assister à tous ces jeux et en rire avec les enfants, mais nous avons eu droit à une projection de photos et c'était hautement édifiant !

Le soir était en effet consacré au feu de camp.

Les organisateurs s'étaient cassé la tête à chercher du bois et à allumer un beau feu dehors mais, une fois qu'ils nous ont expliqué les valeurs d'un feu de camp (essentiellement le fait de se retrouver ensemble), ... (suite page 22)

ils ont fait l'erreur de demander aux jeunes s'ils préfé-



Y'a un qui bosse...



Trois qui dorment...



Et 7 qui jouent !!!

(suite page 21 ■ Thiên Kim)

raient rentrer dans le foyer ou rester là devant le feu. Tous les jeunes ont opté pour rentrer au foyer. Il faut dire que chaque équipe avait reçu la consigne dans l'après-midi de réfléchir sur une saynète basée sur un des contes d'Andersen, et les jeunes avaient pour certains préparé des déguisements et préféreraient s'habiller à l'intérieur. Mais est-ce moi qui ai trop vieilli ou est-ce les jeunes qui ont détourné les contes ? En tout cas, il s'avère que chaque équipe se retrouvait flanquée d'un travelo ! Bizarre non ? Est-ce l'époque qui veut ça ?

C'était notre dernière soirée ensemble, et personne n'avait vraiment envie de se quitter. Alors nous avons fini la soirée par un quiz musical et les plus téméraires sont restés dans la salle commune, toute lumière éteinte, à se raconter des histoires de fantômes. Soirée sage ... pour enfants sages ?...

Jour 5 : Vendredi 6 août 2010

Et voilà, c'est terminé.

Le temps est arrivé de nous quitter. Pour parfaire le décor, il pleut dehors.

Les derniers jeux de la matinée devront donc se dérouler sous la pluie ... mais les adultes ne le voient pas du tout de cet œil : plus le temps, salissant, on va être trempés. D'accord, vous nous empêchez de faire les derniers jeux prévus dehors, bah, on va continuer à l'intérieur alors ! Mais, on ne vous garantit pas de ne

pas nous mouiller, de ne pas nous salir ... : en effet, comment ne pas nous mouiller si on doit remplir une carafe en tenant une petite cuillère d'eau à la bouche ? Comment ne pas nous salir si vous plongez votre tête dans une bassine pleine de farine à la recherche d'un hypothétique bonbon ?... Oui, ils étaient mouillés. Oui, ils étaient sales, la pièce était elle-même sale et mouillée ... Mais comment empêcher des jeunes de profiter des derniers instants ?!... Alors on nettoie tout. Et, là, tout juste avant de nous quitter, la lance des lancers, la danse qu'ils ont tant répétée (celle pendant laquelle je m'étais endormie ...)

Je ne sais pas si c'est parce que je n'étais plus participante au camp cette année et que je ne me suis pas impliquée dans les jeux comme l'année dernière, mais pour moi, le camp de cette année manquait de tonus, et c'est dommage, car ce camp n'est organisé qu'une fois par an, que les jeunes en attendent beaucoup et qu'il devrait donc être parfait. Mais du côté d'HTTN, j'ai été très heureuse de constater que nos jeunes avaient été le reflet de notre association tout au long de leur séjour à Copenhague. Ils ont en effet su nouer des liens, essayant même de parler leur langue maternelle. Ils ont su développer la valeur première d'HTTN : l'amour pour leur patrie, le Vietnam.

Jeunes Httnistes, vous êtes notre relève, notre avenir, et je peux vous le dire : je suis fière de vous ! ■



■ Duc Quang

Pour commencer, une semaine a été suffisante pour connaître le principal défaut de ce pays (Danemark) : tout est plus cher qu'en France. Durant notre séjour, nous avons beaucoup mangé au Burger King en raison de sa nourriture peu chère (comme tout les Fastfood d'ailleurs).

Pour ce qui est du camp, il y a beaucoup de chose que j'ai beaucoup apprécié : les jeunes, les plus vieux et la cuisine XD. De très bonnes activités à faire ensemble et beaucoup de rencontres chaleureuses. Ce que je n'ai pas apprécié c'est que je ne comprends toujours pas pourquoi les plus âgés n'ont pas eu de chambres pour eux. J'ai vu certaines qui dormaient dans le salon alors qu'on est censé de les respecter. J'ai d'ailleurs beaucoup apprécié leur gentillesse





■ Khôi Nguyên

Trai Hè 2010 - Danemark Le camp a été, cette année encore, quelque chose de génial à faire pendant les vacances. Qu'il s'agisse des activités, des organisateurs ou encore de la cuisine (^^), tout était vraiment bien. Le rythme demandé pour les activités, n'était vraiment pas trop épuisant ce qui fait que le camp pouvait être « subit » par les jeunes comme les moins jeunes. En effet si on ne compte pas le fait d'avoir couru sur quelques kilomètres pour une des activités, toutes les autres n'étaient vraiment pas fatigantes et n'ont été que purs moments de rigolade. Avec toutes les activités différentes proposées, telles que plonger sa tête dans une bassine de farine à la recherche d'un objet, la « gymnastique » du matin, le théâtre, ou encore se déshabiller sur le bord de la route dans le but de faire la plus longue chaîne de vêtements, il y en avait forcément au moins une qui vous aurait décrochés un sourire. Outre les activités, ce qu'il y a de génial, c'est les personnes que l'on a rencontrées. En effet, les pauses (parfois un peu trop longues d'ailleurs) et les repas nous ont permis de parler et de faire connaissance avec un grand nombre de personnes. Qu'ils viennent de France ou même d'Allemagne, de Hollande, ou d'ailleurs, ils finirent par être à la fin des trois jours, des amis que l'on n'a pas envie de quitter (sniff !). Le camp d'été est donc quelque chose que je recommande vivement à tous.

■ Thanh Vân

Vu que c'était mon premier Trai hè, je ne sais plus trop ce que j'attendais de ce camp mais voici mes impressions
Points forts : une bonne ambiance, les repas étaient bons, les jeux étaient sympatiques pour la plupart
Points faibles : peut être pas assez de jeux, on trouvait parfois le temps bien long, certains jeux étaient un peu dangereux comme celui du lancer de bottes, l'organisation n'était pas super (surtout avec les voitures, le planning qui change...), le beau temps n'était pas au rendez vous, je pense que pour les chants il aurait peut être fallu qu'on ait les paroles avant car impossible de les retenir de tête comme ça !, une soirée pour danser, le dernier jour ?, la présentation sur le « Leadership » était un peu longue à mon goût et pas très bien expliquée (le Power Point était un peu incompréhensible), ça aurait été sympa de rester un peu plus longtemps autour du feu de camp.

■ Thanh Mai

Le Trai Hè à Copenhague (une ville assez chère quand même !) a été très enrichissant sur divers niveaux mais surtout sur les points de vue social et culturel. Tout d'abord, j'ai vraiment apprécié toutes les rencontres que j'ai faites ! On s'est tous fait de nouveaux amis ! C'était vraiment sympa de pouvoir partager une même culture mais aussi d'en découvrir d'autres avec des jeunes vietnamiens qui viennent de partout en Europe ! Les diverses activités nous ont permis de créer des liens forts avec notre équipe. On a appris à bien s'organiser dans un groupe durant les jeux notamment celui où il fallait construire une tour en papier mais tout en s'amusant ! Tous les mimes et les pièces de théâtre qu'on devait jouer étaient vraiment super drôles ! J'ai beaucoup aimé le Tr ò Ch òi L òn qui a été une vraie épreuve sportive mais où tous les petits jeux du parcours ont été très amusants ! En plus, les animateurs étaient dynamiques ce qui nous encourageait d'autant plus à participer à toutes les activités et de faire de notre mieux. Mais j'aurais bien aimé que les activités s'enchaînent un peu plus. Il aurait été sympa aussi de faire une petite soirée dance ou karaoké pour clôturer le Trai Hè ! Il faudrait également revoir une partie de l'organisation car ce n'était pas évident d'aller chercher tout le monde en voiture ! S'il pouvait y avoir un peu plus de douches aussi dans le chalet, ça aurait été plus pratique... car la queue était assez longue avant de pouvoir se laver !

Mais j'en garde un très bon souvenir ! Un grand merci à tous les organisateurs et aux cuisiniers aussi ! C'est une expérience que je renouvellerai sans soucis !





Cinéma en plein air à la Villette - Août Paris

Depuis 20 ans, l'été, à la nuit tombante, la prairie du triangle du Parc de la Villette devient la plus grande salle de cinéma de Paris à ciel ouvert. Confortablement installés sur des transats, munis de chaudes couvertures, les spectateurs vont pouvoir voir, revoir ou découvrir des films sur le thème «Avoir 20 ans».

Avoir 20 ans, le thème allait de soi pour cette 20ème édition du Cinéma en Plein Air de La Villette. Quel cinéaste de quelque latitude que ce soit ne s'est pas attaché à ce qui est supposé être le plus bel âge de la vie, l'âge de tous les possibles mais aussi des choix sans retour... Tous ces films nous permettront de vérifier, peut être, que si 20 ans n'est pas le plus bel âge de la vie, il n'y en a guère d'autre que l'on ne regrette autant ! Pour cet anniversaire, les œuvres intemporelles et généreuses de François Truffaut, Jean-Luc Godard, Ken Loach, Maurice Pialat, Leos Carax, Abdellatif Kechiche, Cristian Mungiu, Woody Allen, Sofia Coppola, Jim Jarmusch, Liu Jie, Hong Sang- Soo triompheront sur l'écran noir.

Des grands classiques du 7^{ème} art aux derniers films marquants, le Cinéma en plein air à la Villette affiche une programmation éclectique. Il y en aura pour les nostalgiques, avec Marlon Brando dans L'Equipée sauvage, mais aussi pour les plus contemporains, avec Romain Duris dans L'Auberge espagnole en passant par Grease. Cette année, Sandrine Bonnaire est la marraine de ces 20 ans. Son sourire illumine comme une autre étoile radieusement cette fête. ■



Festivités au bord de l'eau - Août Paris

L'été du canal - L'Ourcq en fêtes revalorise l'importance du canal de l'Ourcq dans le paysage urbain de Seine Saint Denis, en déclinant toutes les possibilités qu'offre le cours d'eau. Tout au long de l'été, le canal de l'Ourcq se transforme en un lieu de fêtes et de rencontres. Au fil de l'eau, le visiteur est invité à porter un nouveau regard sur les rives du canal à travers des promenades originales, des divertissements pour toute la famille ou des événements sportifs. Cette année, les navettes desservent Pantin, Bobigny, Noisy-le-Sec/ Bondy, Aulnay-sous-Bois, le parc de la Villette ainsi que le bassin de la Villette (site de Paris-Plages).

Des navettes fluviales fréquentes à 1 € le samedi et 2 € le dimanche, permettent de circuler en toute liberté sur le canal. Vive l'été à Paris ! ■





Đừng Bảo Tôi Im !

■ Joyce Anne Nguyen

NDLR : née en 1993, Joyce Anne Nguyen est une jeune écrivaine de talent et d'une maturité étonnante pour son jeune âge. Elle a pris le chemin de l'exil avec sa mère- Song Chi, une réalisatrice qui a pris position lors des JO 2008 et a été durement condamnée. Elles se sont installées en Norvège en 2009. De part sa plume, elle a su exprimer les espoirs et les déceptions de toute la jeunesse vietnamienne, elle a su transparaître leur amour et leur rêve de liberté pour leur pays, le Viet Nam. « Đung Bao Tôi Im » - « Ne me demandez pas de me taire » devant les injustices, face à l'ignorance ou tout simplement à cause de son jeune âge.



Có đôi khi suy nghĩ, tôi chợt cảm thấy có lẽ mình nên bỏ tất cả. Bỏ tất cả việc viết lách này. Có rất nhiều lý do để tôi không nên tiếp tục viết. Tôi 16 tuổi, ở tuổi này như những người đồng trang lứa tôi nên chú tâm học hành và có những mối quan tâm phù hợp với lứa tuổi. Tôi không bị ép buộc phải lên tiếng, và tôi không đủ tư cách để lên tiếng và kêu gọi người khác phải đứng dậy tranh đấu cho quyền lợi cá nhân và thay thế 1 chế độ khác với những nhà cầm quyền khác, bởi dù gì tôi cũng đang sống ở nước khác, tôi là kẻ hèn nhát đứng từ xa hò hét kêu gọi, khi có chuyện tôi không phải cam chịu gì cả, và tôi nói gì cũng được, gào gào cũng được.

Có đôi khi tôi cảm thấy nhục nhã và ghê tởm với bản thân. Và có lẽ sự im lặng là lựa chọn tốt hơn cho tôi. Có nhiều lúc tôi cảm thấy như vậy. Dù tôi có viết hàng trăm, hàng ngàn bài, cũng không có điều gì xảy ra. Mọi việc đều diễn ra như vậy. Vô số người đã viết, vô số người đã lên tiếng, vô số người đã đấu tranh và cố gắng hiến cho phong trào đấu tranh dân chủ, nhưng cũng không có gì thay đổi. Việc viết lách của tôi nói chung cũng không có lợi gì. Không tạo nên 1 sự thay đổi. Cũng không thuyết phục hay lôi kéo được ai. Rất nhiều người cũng đã bảo VN không cần những người như tôi, và thay vì chê bai chế độ, không đóng góp, có lẽ tôi nên ngậm họng và sống cho đất nước tôi đang sống.

Có đôi khi tôi cảm thấy mình là 1 kẻ hèn nhát. Dĩ nhiên khi ở VN, tôi không viết, ý tôi là tôi có viết về những bức xúc trong xã hội nhưng không viết về chính trị chẳng phải vì tôi sợ, mà trong nước tôi chưa kịp thấy nhiều để ý thức được người dân trong nước không may mắn như thế nào. Chỉ khi được đến 1 đất nước khác và đi 1 số nơi, tôi mới thấy 1 số điều và so sánh, tôi mới bắt đầu viết về chủ đề này. Nhưng có lẽ tôi nói chung cũng vẫn là 1 kẻ hèn nhát to miệng, kêu gọi người dân trong nước đứng lên phản kháng, trong khi mình đã an toàn. Có lẽ tôi nên im lặng. Và mọi người cùng im lặng.

Chúng ta hãy cùng ngồi yên và chấp nhận hoàn cảnh, với suy nghĩ mọi nước đều có vấn đề, khó khăn riêng, và mỗi chế độ đều có cái tốt cái xấu của nó. Chúng ta hãy cùng im lặng và lờ đi những vấn nạn của đất

nước, với an ủi rằng đất nước dù sao cũng đang tiến bộ. Chúng ta hãy cùng im lặng và tin tưởng rằng việc im lặng chấp nhận sẽ giúp đất nước bình yên. Chúng ta hãy dùng từ "nhạy cảm" để né tránh mỗi khi bất kỳ ai đề cập đến vấn đề an ninh lãnh thổ. Chúng ta hãy tập trung học hành, làm việc và đừng quan tâm đến chính trị. Chúng ta hãy ngồi yên đó, để Trung Quốc kéo sang tiến hành dự án bauxite ở Tây Nguyên, hủy hoại môi trường sống, giết chết sinh vật, gây bệnh tật cho đồng bào ta, và từ từ chiếm phần trung tâm của đất nước ta. Chúng ta hãy ngồi yên đó, để Trung Quốc thuê rừng đầu nguồn và chấp nhận tất cả những hậu quả của nó như sự ảnh hưởng đến sinh thái và lũ lụt, và để dân Trung Quốc kéo sang VN sống. Chúng ta hãy ngồi yên đó, và để đồng bào ta bị đánh cướp hoặc giết chết ngoài biển Đông. Chúng ta hãy ngồi yên đó, để tấm bản đồ lưỡi bò đi khắp TG, và mọi người dần dần tin rằng biển Đông thuộc về Trung Quốc, HS- TS thuộc về Trung Quốc. Chúng ta hãy nhắm mắt lại, và ngưng việc đọc báo đi, để tưởng tượng rằng không có điều gì tồi tệ xảy ra và đất nước vẫn đang phát triển. Nhưng liệu tôi, và bạn có thể làm được thế không?

Nếu muốn, tôi có thể quên VN đi. Tôi có thể chỉ nên sống cho Na Uy. Và bất kỳ cái gì khác. Bạn cũng vậy. Nhưng liệu chúng ta có thể làm được như thế không ?

Mọi chuyện có lẽ sẽ trở nên đơn giản hơn rất nhiều nếu không có những vấn đề với Trung Quốc. Bây giờ ai cũng biết tình hình giữa Trung Quốc và Việt Nam đã nghiêm trọng như thế nào. Không, đừng nói với tôi Việt Nam là nước nhỏ. Không, đừng nói với tôi VN xui xẻo nằm quá gần 1 đất nước đầy tham vọng bá quyền như Trung Quốc. Việt Nam không phải là nước nhỏ duy nhất phải chống chọi với 1 nước lớn. Việt Nam không phải là nước duy nhất nằm gần Trung Quốc. Tôi biết tôi không thể làm được gì cả. Tôi là 1 cá nhân, và 1 cá nhân chỉ là được những việc nhỏ nhặt trong giới hạn của 1 cá nhân. Nhưng nếu nhiều cá nhân gộp lại? "Don't wait for leaders ; do it alone, person to person." - Mother Teresa. Nếu Việt Nam phải đối mặt với Trung Quốc, nếu nhân dân Việt Nam phải đối mặt với nguy cơ mất nước, ai sẽ cứu Việt Nam ngoài chính người dân Việt Nam ? Mỹ ư ? Ờ không bạn ạ, người Mỹ chỉ làm những gì tốt nhất cho nước Mỹ, đừng quên Mỹ



Parole à Joyce Anne Nguyen

đang mắc nợ Trung Quốc, và đừng quên không có lý do cụ thể nào để Mỹ phải giúp đỡ Việt Nam. Hay 1 vị Bụt hiện ra hỏi " Vì sao con khóc ? " và thấy cây phất trần biến điều ước trở thành hiện thực ? Phật có câu " No one saves us but ourselves. No one can and no one may. We ourselves must walk the path "

" It's a dirty world out there, but if no one agrees to do the cleaning, the whole country goes down a shit house." - Vikas Swarup.

Tôi đủ tinh táo để hiểu những bài viết của tôi không đem lại 1 sự thay đổi cụ thể nào. Có 1 số người đã hỏi thẳng, tôi nhận được bao nhiêu tiền để viết. Tôi cảm thấy hổ thẹn cho họ. Tôi sẽ không giải thích, tôi chỉ đơn giản trích 1 câu của Isabel Allende " How can one not write about war, poverty and inequality when people who suffer from these afflictions don't have a voice to speak ? " Nếu bạn hoàn toàn cho rằng việc viết lách là vô bổ, đừng quên trong chiến tranh không phải ai cũng tham gia chiến đấu, có những người chiến đấu bằng ngòi bút. Có những người đóng góp theo cách riêng của họ.

Mọi người biết việc viết lách không đem lại ích lợi gì nhiều. Vô số người đã viết. Vô số người đã lên tiếng. Không có gì được thay đổi. Bản kiến nghị phản đối dự án bauxite được rất nhiều người ký tên cuối cùng cũng bị bỏ mặc. Những người biểu tình phản đối Trung Quốc bị bắt. Blogger bị bắt và bỏ tù. Không có gì được thay đổi. Nhà nước vẫn tiếp tục làm việc của

họ. Họ vẫn chặn facebook. Họ vẫn kiểm soát thông tin. Họ vẫn cấm nhắc tên Hoàng Sa Trường Sa trên game online. Họ vẫn treo băng rôn chúc mừng quốc khánh Trung Quốc. Họ vẫn xử tù người bất đồng chính kiến. Họ vẫn tiến hành dự án bauxite Tây Nguyên. Họ vẫn tiến hành dự án điện hạt nhân. Họ vẫn cho thuê Trung Quốc thuê rừng đầu nguồn. Họ vẫn.. Họ vẫn...

Nhưng thay vì đặt câu hỏi tại sao tôi lại viết dù biết việc lên tiếng không đem lại ích lợi, tại sao bạn không hỏi vì sao đã rất nhiều người lên tiếng nhưng vẫn không có điều gì thay đổi ? Họ là những người lãnh đạo như thế nào khi họ hoàn

toàn không quan tâm đến nhân dân ? Họ là những người lãnh đạo như thế nào khi họ không cho phép nhân dân biểu tình hoặc chỉ đơn giản là cất tiếng nói ? Họ là những người lãnh đạo như thế nào khi họ gạt ngang không đếm xỉa đến bản kiến nghị phản đối 1 dự án gây tác hại trầm trọng đến môi trường, sự sống, và cả an ninh, lãnh thổ đất nước ? Họ là những người lãnh đạo như thế nào khi họ chặn blog, chặn website ? Họ là những người lãnh đạo như thế nào khi dân oan khiếu kiện, họ không bao giờ giải quyết ? Họ là những người lãnh đạo như thế nào khi họ không đầu tư công sức vào nền giáo dục, tiếp tục những trò cài cách chạy vòng quanh không cần thiết, bằng cách

lấy kiến thức năm này đắp vào năm khác và quay vòng ? Họ là những người lãnh đạo như thế nào khi họ không giải quyết vấn đề tham nhũng trầm trọng và giải thích VN không phải là nước tham nhũng nhất TG và quốc gia nào cũng có ? Họ là những người lãnh đạo như thế nào khi họ không màng đến vấn đề giao thông, để hàng chục ngàn người chết mỗi năm vì tai nạn giao thông, và phần lớn vì đường sá chật chội, đầy " ô cốt " mất chất lượng và gây ra nhiều cái chết phi lý ? Họ là những người lãnh đạo như thế nào khi họ xem nhân dân là con cái không được phép cãi lời và " hàng xóm " không cần can thiệp ? Họ là những người lãnh đạo như thế nào mà họ lên nắm quyền khi nhân dân không biết họ là ai để bầu cho họ ? Họ là những người lãnh đạo như thế nào mà họ dù làm bất kỳ điều gì, vẫn tiếp tục giữ cái ghế của mình ? Họ là những người lãnh đạo như thế nào khi họ e ngại mọi sự so sánh và kết luận đó là vọng ngoại và phản quốc ? Họ là những người lãnh đạo như thế nào khi họ không dám nhìn thẳng vào khuyết điểm và huỷ hoại nhân dân rằng mọi đất nước đều có vấn đề riêng và đất nước ta đang ngày càng tiến bộ ?

Ở đây tôi chỉ muốn nói lên vấn đề ý thức. Tôi không có ý định tung hô nước ngoài như nhiều người sẵn sàng chụp mũ. Tôi chỉ đưa ra 1 vài so sánh. Trong ý thức người dân cũng như người lãnh đạo ở những quốc gia có tự do dân chủ, nhà nước được nhân dân bầu lên, và tồn tại vì lợi ích của nhân dân và đất nước. Nhân dân đóng thuế nuôi các ông lãnh đạo, và khi các ông làm việc không tốt, các ông phải nghe phê bình, và có thể bị phế truất. Có rất nhiều người vẫn thường lầm lẫn giữa khái niệm yêu nước và yêu nhà nước. Tất cả đơn thuần chỉ là trò chơi đánh tráo khái niệm. 1 kiểu áp đặt thường thấy. Quốc gia dân tộc là cái trường tồn. Nhà nước là cái tồn tại tạm thời. Khi 2 cái đi ngược nhau, tôi không nghĩ tôi nên chọn cái ngắn thay vì cái dài. Có nhiều người sẽ bảo tôi là kẻ vô ơn. Rằng tôi sinh ra và lớn lên dưới chế độ này, tôi ăn cơm trong chế độ này, tôi đi học trong chế độ này, tôi phải mang ơn thay vì phản chủ. 1 lần nữa phải nhấn mạnh, đây chỉ là vấn đề ý thức. Không biết vì lý do gì, dường như người dân VN có thói quen thường sợ hãi và mang ý thức mình đang mang ơn nhà nước. Trong khi thực tế nhà nước lập ra để lèo lái đất nước, và đại diện cho quyền lợi của nhân dân. Tôi phải biết ơn à ? Tôi đã nhìn thấy các ông lãnh đạo như thế nào. 1 tờ báo chính thức trong nước từng viết, phải mất 175 năm để VN đuổi kịp Singapore, với điều kiện Singapore đứng yên- điều này là không thể. GDP cũng tụt hàng trên TG. Tôi phải biết ơn đất nước vì đã độc lập, tự do, hạnh phúc à ? Ta độc lập mà ta không dám nhắc đến mối quan hệ VN- TQ ? Ta độc lập mà ta không dám biểu tình chống TQ ? Hạnh phúc ? Hạnh phúc mà sau này vô số người vẫn tìm cách bỏ đi, bằng cách này hay cách khác, hôn nhân, du học, lao động hợp tác, làm giấy tờ giả... ? Hạnh phúc mà đa phần những người đã đi đều không muốn về nước sống ?

Tôi sẽ bị xem là kẻ hèn nhát. Tôi không dám ở ngay trong nước hồ hào. Tôi thừa nhận, có nhiều lúc tôi

Nhà nước là cái tồn tại tạm thời. Khi 2 cái đi ngược nhau, tôi không nghĩ tôi nên chọn cái ngắn thay vì cái dài. Có nhiều người sẽ bảo tôi là kẻ vô ơn.

đã tự cảm thấy mình là 1 kẻ hèn nhát. Tôi đi. Tôi không ở lại. Nhưng cách đây không lâu, ở trường tôi có buổi giới thiệu về 1 số trường ĐH ở Na Uy và ở những nước khác như Anh, Úc, Mỹ, New Zealand... có 1 tấm bảng có dòng chữ lớn : " Do something for your country : LEAVE. " May mắn được đi, tôi có những quyền tôi không thể có trong nước. May mắn được đi,

Albert Camus từng nói " A free press, of course, can be good or bad, but most certainly without freedom, a press will never be anything but bad.

bằng những bài viết, dù có thể là vô bổ, tôi đóng góp 1 phần nào đó. May mắn được đi, tôi có cơ hội mở rộng tầm nhìn, và so sánh sự khác biệt giữa 2 TG (tôi thích nói là 2 TG). Những người e ngại sự so sánh không thể nhìn thẳng vào những khuyết điểm và hạn chế của bản thân để chỉnh sửa và tiến bộ. So sánh là cần thiết. So sánh dẫn đến cạnh tranh. Cạnh tranh giúp phát triển. Thử

tưởng tượng, nếu cả 1 khu vực bạn sống chỉ có 1 tiệm giày. Bạn không còn lựa chọn nào khác, dù đẹp dù xấu bạn cũng phải vào đó mua giày. Nhưng nếu có khoảng chục tiệm giày, à không nhất thiết, có 2 tiệm giày thôi cũng được, bạn được quyền lựa chọn vào tiệm A hay tiệm B, và để thu hút khách hàng, mỗi tiệm dĩ nhiên phải cạnh tranh và nâng cao chất lượng sản phẩm. Tương tự với chính trị. Ở vâng bạn sẽ nghĩ tôi là đưa tâm thần khi so sánh chính quyền với tiệm giày, nhưng tôi chỉ đang phân tích. Nếu có nhiều đảng, các đảng phải cạnh tranh nhau, đưa ra nhiều chính sách vì nhân dân và đất nước, và người dân dĩ nhiên sẽ bỏ phiếu cho cái đảng có nhiều chính sách tối ưu hơn. Nhưng nếu chỉ có 1 đảng duy nhất, và đặc biệt những người lãnh đạo không bao giờ bị bắt lỗi, không bao giờ bị phê bình, không bao giờ bị phế truất, các ông muốn làm bao lâu cũng được, ngồi đó bao lâu cũng được. Không phải rõ ràng là trong trường hợp đó, cái đảng duy nhất này có thể làm bất kỳ điều gì, kể cả những việc có hại cho đất nước sao ?

Trong bài viết " Ai không muốn được tự do ? ", tôi đã có đề cập đến sự tự do. Vấn đề chỉ là khái niệm về tự do. Khi con người đã sống quá lâu trong 1 xã hội nơi họ không được phép có tư duy độc lập và phát biểu ý kiến thực sự của mình, họ dần dần quên mất lẽ ra là con người, họ nên có quyền cất tiếng nói. Trong nghệ thuật, nếu có khuôn mẫu định sẵn và 1 dây xích kìm hãm, người nghệ sĩ không thể làm việc với toàn bộ khả năng của mình. Thiếu tự do, con người bị kìm hãm, khả năng bị giới hạn. Cũng như trong đời sống. Albert Camus từng nói " A free press, of course, can be good or bad, but most certainly without freedom, a press will never be anything but bad. " Nói mỗi nước đều có tự do dân chủ, chỉ là chế độ khác biệt nên sự dân chủ có màu sắc khác nhau chỉ là lối né tránh cái

thực tế chẳng có tự do dân chủ. Nói mỗi nước đều có vấn đề, không có chế độ nào hoàn hảo chỉ là 1 lối lấp liếm không dám nhìn thẳng vào những khuyết điểm của mình.

Đúng, không có chế độ nào 100% hoàn hảo. Nhưng cho đến nay, qua thời gian, đến sự tiến bộ hiện nay của loài người, chế độ dân chủ được xem là lựa chọn tốt nhất. Nhưng có lẽ con chim bị nhốt quá lâu trong lồng khi nhìn thấy cửa mở cũng rụt lại không dám bay ra TG rộng lớn bên ngoài. Có lẽ con người sợ hãi sự thay đổi. Thay vì góp sức vào 1 sự thay đổi, thay vì đứng lên bảo vệ cho quyền lợi của chính bản thân mình, họ ngồi yên chấp nhận thực tế và họ cách lơ đi những vấn nạn của đất nước. Erich Fried có câu nói nổi tiếng được viết ngay trên phần còn sót lại của bức tường Berlin tôi đã may mắn có dịp thấy tận mắt : " He who wants the world to remain as it is doesn't want it to remain at all. "

Nếu muốn, tôi có thể đập máy bay về nước, có thể để bị bắt và ngồi tù, lúc đó mọi người sẽ biết đến tôi, sẽ cuối cùng công nhận tôi chứng minh được những gì mình đang nói thay vì khoác lác phở trương, sẽ cuối cùng ban cho tôi 1 danh hiệu hay 1 tấm bằng khen để sau này ra tù tôi treo trong nhà và tự hào giới thiệu mỗi khi khách đến, nhưng liệu điều ấy có giúp ích được gì không ? Ý tôi không phải bảo việc ngồi tù là vô bổ. Tôi rất nể trọng và kính phục những người đã dám lên tiếng và chấp nhận việc ngồi tù là 1 cái giá của việc tranh đấu của mình. Tôi thực sự rất nể trọng họ. Và cảm thấy những gì mình làm chẳng là chút gì so với những gì họ đã làm. Và nhiều lúc cảm thấy bản thân là 1 kẻ hèn nhát đáng ghê tởm.

Nhưng...

Đừng bảo tôi im vì tôi sống ở Na Uy.

Đừng bảo tôi im vì tôi 16 tuổi.

Đừng bảo tôi im và bảo tôi chưa đủ trải nghiệm.

Đừng bảo tôi im và bảo tôi thiếu hiểu biết.

Đừng bảo tôi im và kết tội tôi chỉ copy và paste.

Đừng bảo tôi im vì bạn im. ■





Le magazine de l'Association des Jeunes Vietnamiens de Paris

htttn

htttnmag'

n° 8 JUIL'AOÛT 2010



www.httnparis.org